

Số: 53./CV-RDP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2021

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán hiện hành, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016, nay Công ty Cổ Phần Rạng Đông Holding thông báo như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HOLDING**
2. Mã chứng khoán: **RDP**
3. Trụ sở chính: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: (+84 028) 39692272-39696642 Fax: (+84 028) 39692843
5. Loại công bố thông tin: Định kỳ
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Bùi Đắc Thiện.
7. Nội dung công bố thông tin: **Báo cáo thường niên năm 2020**
8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding vào ngày 19/04/2021 tại đường dẫn <http://rangdongholding.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



**Bùi Đắc Thiện**

**Nơi nhận:**

- Như nơi gửi;
- P.KSNB;
- Lưu.



Vietnam Value

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

**Rạng đông**<sup>®</sup>  
Since 1960

CÔNG TY CỔ PHẦN **Rạng đông**<sup>®</sup> HOLDING

📍 190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM

☎ (84-28) 3969 2272

🌐 [www.rangdongholding.com.vn](http://www.rangdongholding.com.vn)

✉ [nhuarangdong@rdplastic.vn](mailto:nhuarangdong@rdplastic.vn)



**Rạng đông**<sup>®</sup>  
Long An Plastic



**Rạng đông**<sup>®</sup>  
Healthcare



**Rạng đông**<sup>®</sup>  
Films



**Rạng đông**<sup>®</sup>  
Trading



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020**  
**ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



ISO 9001 : 2015



ISO 14001 : 2015



ISO 22000 : 2018



21 CFR Part 820



17025:2017



1960 - 2020

*Luôn Luôn Tốt Hơn*





# MỤC LỤC

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

### CHỦ THÍCH VÀ VIẾT TẮT

Hội Đồng Quản Trị	HĐQT
Ban Tổng Giám Đốc	Ban TGD
Tổng Giám Đốc	TGD
Đại hội đồng cổ đông	ĐHD CD
Ủy ban kiểm toán	UBKT
Lợi nhuận trước thuế	LNTT
Rạng Đông Holding	RDP
Rạng Đông Long An	RLP
Rạng Đông Healthcare	RDH
Rạng Đông Film	RDF
Rạng Đông Trading	RDT

*Luôn Luôn Tốt Hơn*

<b>THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT</b>	02-03
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi của doanh nghiệp	04-05

### 01 - THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu khái quát.	06-07
Quá trình hình thành và phát triển.	06-07
Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh.	08-09
Mô hình hoạt động - Cơ cấu tổ chức	10-13
Định hướng chiến lược phát triển.	14-17
Phân tích SWOT - Quản trị rủi ro.	18-21

### 02 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Sự kiện nổi bật 2020	22-23
Các giải thưởng đạt được	24-25
Hệ thống quản lý chất lượng	26-27
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	28-33
Hoạt động đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	34-35
Tình hình tài chính	36-37
Thông tin cổ phần và cổ đông	38-39
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	40-43
Phát triển nguồn nhân lực	44-45
Phát triển bền vững	46-49

### 03 - HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT

### 04 - QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	52-53
Hoạt động của HĐQT	54-57
Ủy ban kiểm toán	58-59

### 05 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

60-93



## HỒ ĐỨC LAM

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
Chủ tịch Hiệp hội Nhựa Việt Nam

tăng trưởng khoảng 10,9% so với năm 2019, với tổng doanh thu quý khoảng 22,18 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 3,65 tỷ USD, tăng trưởng 6,3%, tuy có chiều hướng tăng trưởng chậm ở các tháng cuối năm.

Đổi mặt với thị trường đầy biến động, Ban Lãnh đạo và CB-NV **Nhựa Rạng Đông** đã năng động, sáng tạo, biến nguy thành cơ, chuyển đổi và hoàn thiện mô hình kinh doanh phù hợp, đầu tư hệ thống trang thiết bị máy móc hiện đại, kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng nhân lực, giữ gìn văn hóa doanh nghiệp. Song song đó, tập trung giữ vững và nâng cao chất lượng sản phẩm "**Luôn Luôn Tốt Hơn**", củng cố thị trường truyền thống và phát triển thị trường, khách hàng mới. Nhờ đó, đã khẳng định giá trị thương hiệu, và tiếp tục gia tăng động lực phát triển bền vững cho Tập đoàn.

Với nỗ lực tuyệt vời, Tập đoàn đã đạt được kết quả kinh doanh khá ấn tượng: Doanh thu thuần năm 2020 vượt đến 2.744 tỷ (VNĐ) đạt 150,2% kế hoạch, tăng trưởng 38% so 2019. Doanh thu tăng trưởng mạnh đã khẳng định chiến lược phát triển đúng đắn, đồng thời thể hiện quyết tâm, bản lĩnh và sự sáng tạo của đội ngũ lãnh đạo cũng như niềm tin, khát vọng và cống hiến của CB-NV Tập đoàn.

HDQT và Ban Lãnh đạo trân trọng tri ân, đánh giá cao sự đồng hành, ủng hộ và cống hiến nhiệt tâm, hiệu quả vào thành công chung của Tập đoàn **Nhựa Rạng Đông**, từ Quý Cổ Đông, các Nhà Đầu tư, quý Khách hàng và toàn bộ CB-NV Tập đoàn!

Dựa trên ba động lực chính yếu: (i). **Thiết lập Hệ thống Quản lý tiên tiến, Đầu tư linh hoạt và hiệu quả**, phù hợp với tốc độ phát triển của doanh nghiệp; (ii). **Phát triển thị trường, đẩy mạnh Quan hệ Hợp tác chiến lược** với mọi đối tác; (iii). **Chăm lo xây dựng nguồn Nhân lực và Nền tảng Văn hóa doanh nghiệp**, đi cùng với sự đồng tâm, đồng lòng, kiên trì và nỗ lực vượt bậc của HDQT, Ban Lãnh đạo và CB-NV, Tập đoàn **Nhựa Rạng Đông** ngày càng khẳng định vị thế và danh tiếng trên thương trường. Sau hơn 6 thập kỷ dày công xây dựng, Thương hiệu **Nhựa Rạng Đông** ngày nay đã trở thành Biểu tượng Quốc gia, được các đối tác trong nước và quốc tế tin tưởng.

**Nhựa Rạng Đông** luôn ý thức về trách nhiệm tối ưu hóa lợi ích cho Quý cổ đông, các Nhà Đầu tư, Quý Khách hàng và Đối tác của Công ty. Đặc biệt, việc đầu tư hoàn thiện sản phẩm nhằm thực hiện Tuyên ngôn Giá trị "**Luôn Luôn Tốt Hơn**" là mục tiêu quan trọng hàng đầu, và là điểm cốt lõi trong chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.

Hợp tác cùng nhau vượt qua những khó khăn, thách thức, tiếp tục duy trì và củng cố những giá trị đã tạo dựng nên thương hiệu, mở rộng thị trường, ngành hàng theo hướng phát

triển bền vững, HDQT Tập đoàn thận trọng xác định mục tiêu kinh doanh năm 2021: về Doanh thu thuần, dự kiến đạt 2.170 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế đạt 59 tỷ đồng.

Với những mục tiêu đầy thử thách trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều biến động, HDQT kêu gọi Quý Cổ đông chung tay, chung lòng, đồng hành cùng Ban Lãnh đạo và tập thể CB-NV Tập đoàn **Nhựa Rạng Đông** hoàn thành, và phấn đấu vượt mức chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025. Kính chúc Quý Cổ đông, các Nhà Đầu tư, Quý Khách hàng, CB-NV **Nhựa Rạng Đông** một năm 2021 tràn đầy **SỨC KHỎE, HẠNH PHÚC, THÀNH CÔNG VÀ THÀNH ĐẠT!** Trân trọng!

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
Tập đoàn **Nhựa Rạng Đông**

Hồ Đức Lam





## TRIẾT LÝ KINH DOANH



Nỗ lực lao động và sáng tạo nhằm cung cấp những sản phẩm có giá trị tốt nhất, và **“Luôn Luôn Tốt Hơn”** cho khách hàng.

## TẦM NHÌN



Xây dựng **Rang Đông Holding** trở thành một Tập đoàn kinh doanh đa lĩnh vực mang tầm vóc quốc tế với ngành Nhựa là trọng tâm.

## SỨ MỆNH

1. CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN - THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG trên từng sản phẩm đối với cộng đồng.
2. HỢP TÁC PHÁT TRIỂN cùng khách hàng, đối tác kinh doanh.
3. GHI NHẬN ĐÓNG GÓP - CHIA SẺ THÀNH QUẢ - CƠ HỘI THĂNG TIẾN cho cán bộ công nhân viên.
4. TỐI ƯU LỢI NHUẬN - CÔNG KHAI, MINH BẠCH với cổ đông và nhà đầu tư.



## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Sáng tạo
2. Chuyên nghiệp
3. Chính trực
4. Trách nhiệm
5. Nhân tâm



# 01 - THÔNG TIN CHUNG



## GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding**

Giấy chứng nhận ĐKDN số: **0300384357**

Vốn điều lệ: **410.699.210.000 VNĐ**

Vốn chủ sở hữu: **468.769.379.812 VNĐ**

Địa chỉ: 190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM.

ĐT: (84-028) 39692272 | Fax: (84-028) 39692843

E-mail: [nhuarangdong@rdplastic.vn](mailto:nhuarangdong@rdplastic.vn)

Website: [rangdongholding.com.vn](http://rangdongholding.com.vn)

Mã cổ phiếu: **RDP**



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**1960**

Được thành lập với tên **UFEOC**  
(Liên hiệp các xí nghiệp cao su Viễn Đông Pháp).

**1963 - 1975**

Nhập khẩu các máy cán, dây chuyền máy tráng đầu tiên từ Nhật Bản và Đài Loan để sản xuất các loại giả da PVC, PU xốp, khăn trải bàn, màng mỏng PVC, vải tráng PVC, PU, vải dù chống thấm.

**1977**

Chuyển thành Nhà Máy **Nhựa Rạng Đông**, trực thuộc Công ty Công nghệ phẩm thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.

**1985**

Đổi tên thành Công ty **Nhựa Rạng Đông**.

**1993**

Thành lập Nhà máy **Nhựa Hóc Môn** chuyên sản xuất bao bì.

**1996**

Thành lập Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.

**2020**

Xây dựng Nhà máy **Rạng Đông Healthcare**.

**2019**

Thành lập Công ty **Rạng Đông Holding**.

**2017**

Chính thức vận hành Nhà máy **Nhựa Rạng Đông** Long An.

**2015**

Xây dựng Nhà máy **Nhựa Rạng Đông** Long An.

**2014**

Xây dựng Nhà máy **Nhựa Tiên Sơn** tại KCN Tiên Sơn - Bắc Ninh.

**2009**

Xây dựng Nhà máy **Bao Bì Củ Chi**, Tp. HCM

**2006**

Xây dựng lại trụ sở chính tại Q. 11, Tp. HCM

**2005**

Công ty **Nhựa Rạng Đông** được cổ phần hoá, chính thức đi vào hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần **Nhựa Rạng Đông**.

**2003**

Công ty chuyển về trực thuộc Bộ Công nghiệp.

**2000**

Thành lập Chi nhánh Công ty tại Nghệ An.

**1999**

Thành lập Nhà máy **Nhựa 6**.

**1997**

Thành lập Nhà máy **Nhựa Nha Trang** tại Nha Trang, Khánh Hoà.

1960

2020



NHÓM BẢO BIỂM



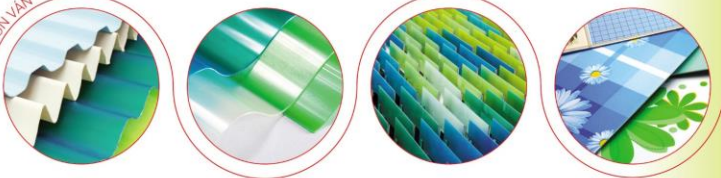
NHÓM MANG MŨNG



NHÓM GIÁ DA



NHÓM TON VÁN



NHÓM SẢN PHẨM NHỰA KHÁC



Công ty đã xây dựng hệ thống phân phối sâu rộng, lớn nhất cả nước, và các đối tác là tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, địa bàn kinh doanh và kênh phân phối có các đặc điểm nổi bật như sau:

- >80 Khách hàng trong và ngoài nước (đa phần là khách hàng thân thiết)
- 50 Tỉnh thành trong cả nước có hệ thống đại lý, cửa hàng, nhà phân phối
- 162 Siêu thị, chuỗi cửa hàng trên toàn quốc

Tỉ trọng doanh thu trong nước & nước ngoài



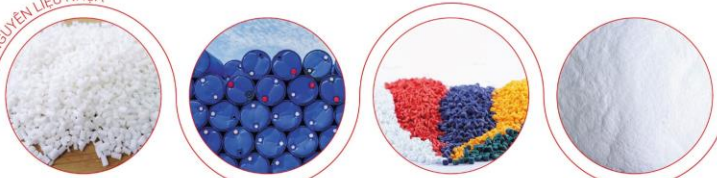
- 51% North America (Bắc Mỹ)
- 34% East Asia (Đông Á)
- 10% Southeast Asia (Đông Nam Á)
- 5% Africa (Châu Phi)



NHÓM SẢN PHẨM NHỰA Y TẾ



NHÓM NGUYÊN LIỆU NHỰA





**Rạng Đông®**  
Long An Plastic

CÔNG TY CON 65%

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA RẠNG ĐÔNG LONG AN**

Trụ sở chính : Lô H1-H9, đường số 3, KCN Tân Đô, Long An.  
Sản xuất : Bao bì phức hợp, Màng mỏng, Giấy da, Tồn ván, Ống Lườn dây điện và các sản phẩm khác từ nhựa.  
Vốn điều lệ : **250.000.000.000 VNĐ**  
Tỷ lệ Rạng Đông Holding góp vốn : **65%**



**Rạng Đông®**  
Films

CÔNG TY CON 99,9%

**CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG FILMS**

Trụ sở chính : 63 Võ Văn Bích, H. Củ Chi, Tp. HCM.  
Sản xuất : Màng nhựa, màng thổi.  
Vốn điều lệ : **180.000.000.000 VNĐ**  
Tỷ lệ Rạng Đông Holding góp vốn : **99,9%**



**Rạng Đông®**  
Trading

CÔNG TY CON 51%

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRADING RẠNG ĐÔNG**

Trụ sở chính : 190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM.  
Kinh doanh : Nguyên liệu nhựa & các sản phẩm nhựa.  
Vốn điều lệ : **60.000.000.000 VNĐ**  
Tỷ lệ Rạng Đông Holding góp vốn : **51%**



**Rạng Đông®**  
Healthcare

CÔNG TY LIÊN KẾT 40,67%

**CÔNG TY CỔ PHẦN RẠNG ĐÔNG HEALTHCARE**

Trụ sở chính : Lô G4-G8, đường số 8, KCN Tân Đô, Long An.  
Sản xuất : Sản phẩm nhựa phục vụ cho y tế.  
Vốn điều lệ : **300.000.000.000 VNĐ**  
Tỷ lệ Rạng Đông Holding góp vốn : **40,67%**



**SONG ĐÔNG**

CÔNG TY LIÊN KẾT 44,97%

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIẾP VẬN SONG ĐÔNG**

Trụ sở chính : 190 Lạc Long Quân, P. 3, Q. 11, Tp. HCM.  
Kinh doanh : Vận chuyển hàng hóa  
Vốn điều lệ : **13.950.000.000 VNĐ**  
Tỷ lệ Rạng Đông Holding góp vốn : **44,97%**





Chỉ tính riêng ba năm  
(từ 2018 đến nay),

**Tập đoàn Nhựa Rạng Đông**  
đã thực thi chiến lược  
phát triển bền vững,  
và đạt được những thành  
quả đầy tự hào



Thay đổi cơ cấu quản trị, xây dựng thành công Tập đoàn theo mô hình Holding, hướng đến một Tập đoàn Nhựa mang tầm vóc quốc tế, kinh doanh đa ngành nghề, trong đó xác định Nhựa là ngành kinh doanh trọng tâm.

Triển khai chiến lược xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý ISO vào kiểm soát và quản lý chất lượng. Điều này không chỉ khẳng định sự phát triển bền vững của Tập đoàn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và yêu cầu luật định, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để sản phẩm của Công ty thâm nhập sâu rộng đến mọi thị trường trong và ngoài nước.

Xây dựng, phát triển các công ty thành viên với thế mạnh ngành nghề kinh doanh chuyên biệt dưới sự giám sát chặt chẽ, và hỗ trợ hiệu quả từ Tập đoàn. Nhờ đó mà các công ty thành viên: Rạng Đông Long An, Rạng Đông Films, Rạng Đông Trading đã nhanh chóng ổn định và nâng cao năng lực sản xuất, vận hành thành công SAP-ERP trong quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất, đảm bảo tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, từng bước phát triển vững chắc.

Xây dựng Văn phòng và Nhà máy Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare tại Khu Công nghiệp Tân Đô (Long An), với diện tích 8,28 ha, tổng vốn đầu tư 850 tỉ VNĐ. Cùng với các Nhà máy của các đơn vị thành viên, Healthcare đã được đầu tư dây chuyền trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng nâng cao của khách hàng trong và ngoài nước.

Thông qua Hợp đồng hợp tác chiến lược với Công ty Medline Industries, INC Medline (USA), đối tác lớn nhất trong lịch sử phát triển của Nhựa Rạng Đông, Tập đoàn đã sản xuất và cung ứng nhiều sản phẩm y tế chất lượng tốt, giá trị cao và toàn diện cho thị trường Hoa Kỳ, trở thành nhà sản xuất sản phẩm nhựa y tế lớn nhất Việt Nam.

Bên cạnh đó, các thị trường trọng điểm được nghiên cứu, mở rộng nhờ kịp thời xây dựng chính sách bán hàng phù hợp, và phát triển chuỗi sản phẩm mới.

**ĐẦU TƯ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU R&D:**

Tiếp tục đầu tư sâu, rộng và hoàn chỉnh các thiết bị đo lường kiểm nghiệm kỹ thuật cao. Trong năm 2020, Trung tâm Nghiên cứu R&D của Tập đoàn đã đạt chuẩn ISO 17025:2017, là Chứng nhận phòng thử nghiệm đạt yêu cầu theo chuẩn quốc tế đầu tiên và duy nhất, nhằm chứng nhận khả năng của các phòng thử nghiệm trên phạm vi toàn cầu. Việc đạt Chứng nhận ISO 17025:2017 đã khởi tạo nền móng vững chắc cho việc sản xuất sản phẩm có chất lượng; gia tăng năng suất và giảm giá thành; nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng uy tín chất lượng sản phẩm của Tập đoàn.

**ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT:**

Bên cạnh các dây chuyền công nghệ thời mùng hiện đại phục vụ ngành sản xuất bao bì mềm được nhập về từ Đức, Ý như dây chuyền máy thổi 5 lớp Reifenhauser, máy thổi 3 lớp Macchi, chuyên in BOBST; Tập đoàn tiếp tục đầu tư sâu vào hệ thống dây chuyền sản xuất trang thiết bị y tế, phục vụ cho nhu cầu ngày càng tăng cao cả trong nước, và quốc tế, đáng kể là Dây chuyền sản xuất vải không dệt khổ vải 3200mm, lớn nhất Việt Nam và Đông Nam Á.

**ĐẦU TƯ HẠ TẦNG THÔNG TIN**

Việc chia sẻ dữ liệu nhanh chóng và chuẩn xác phục vụ cho việc xử lý, điều hành từ trụ sở chính đến các đơn vị thành viên, hệ thống các nhà máy trực thuộc và ngược lại là rất cần thiết. Nhằm đảm bảo hoạt động điều hành, Rạng Đông Holding đã đầu tư hệ thống quản lý nguồn lực ERP-SAP all-in-one và đang hoạt động ổn định.

**MỞ RỘNG HỢP TÁC LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Với định hướng mở rộng doanh nghiệp sản xuất nhanh chóng đầu tư sang một số lĩnh vực khác, các thương vụ M&A cũng đang được Bộ phận đầu tư tài chính - Rạng Đông Holding thẩm định để Hội đồng quản trị cân nhắc lựa chọn.

Tập đoàn đã ký kết Hợp đồng hợp tác chiến lược với Medline Industries, INC Medline (USA), thông qua đó Tập đoàn đã sản xuất và cung ứng các sản phẩm y tế chất lượng tốt, giá trị cao và toàn diện cho thị trường Hoa Kỳ, trở thành nhà sản xuất sản phẩm nhựa y tế hàng đầu tại Việt Nam.

Xác định hướng đi mới trong việc cung ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của y tế toàn cầu, Tập đoàn đã quyết định đầu tư khu Liên hợp sản xuất các sản phẩm cho ngành y tế, với diện tích 8,28 ha, tổng vốn đầu tư 850 tỉ VNĐ, trong đó, tổng mức đầu tư giai đoạn 1 là 550 tỷ đồng.



## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1

**Xây dựng Tập đoàn Nhựa Rạng Đông mang tầm vóc quốc tế, kinh doanh đa ngành, trong đó Nhựa là ngành kinh doanh trọng tâm.**

2

**Trở thành thương hiệu nhựa hàng đầu tại Việt Nam, và nằm trong top 10 nhà sản xuất Bao Bì Nhựa Châu Á;**

3

**Trở thành nhà sản xuất sản phẩm nhựa y tế lớn nhất Việt Nam, thông qua việc sản xuất và cung ứng sản phẩm y tế cho thị trường nội địa, khu vực, và quốc tế.**

4

**Khai phá thị trường mới, đột phá ngành hàng mới bằng việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm bắt kịp nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước, dựa trên nền tảng sản phẩm & dịch vụ tốt nhất, và “Luôn Luôn Tốt Hơn”.**

Nghiên cứu ứng dụng Thương mại điện tử cho tăng trưởng, và ứng dụng nền tảng số hóa vào hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh. Đưa công nghệ vào hoạt động quản trị: Xây dựng hệ thống quản lý nhân sự toàn diện, và áp dụng phần mềm SAP vào quản trị văn phòng; triển khai văn phòng điện tử, chữ ký điện tử nhằm tiết giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả công việc.

Thực hiện chiến lược xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý ISO vào kiểm soát và quản lý chất lượng nhằm phát triển bền vững, và đưa sản phẩm của Tập đoàn thâm nhập sâu rộng đến thị trường trong và ngoài nước.

Song song với chiến lược phát triển mảng nhựa bao bì với tầm nhìn trở thành top 10 châu Á, Tập đoàn tiếp tục đổi mới, đầu tư, cải tiến công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt lưu tâm đến lĩnh vực nhựa phục vụ thiết bị vật tư Y tế.

Thay đổi cơ cấu theo hướng giữ vững tốc độ tăng trưởng của mảng nhựa bao bì, và đầu tư nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm mới mảng nhựa xây dựng nhằm từng bước nâng tỷ trọng nhựa xây dựng trong cơ cấu doanh thu toàn Tập đoàn, phù hợp nhu cầu phát triển của thị trường.

Nghiên cứu phát triển đa dạng các loại bao bì, màng thối cho các lĩnh vực như: công nghiệp điện tử, công nghiệp phụ trợ, các loại bao bì thực phẩm, hải sản....

Đầu tư thiết bị hiện đại cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, sáng tạo ra những mẫu sản phẩm mới phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường. Đầu tư công nghệ mới, hiện đại, mở rộng sản xuất với các nhà máy có qui mô lớn đạt chuẩn quốc tế.

Liên kết thương mại đầu tư, phân phối sản phẩm với các cụm doanh nghiệp quốc tế. Tăng cường hợp tác chiến lược với Medline Industries, INC (USA); Tham gia vào chuỗi ứng dụng cho các công ty đa quốc gia như Sam sung, Apple, đồng thời tiếp tục tìm kiếm các đối tác thương mại quốc tế tầm cỡ khác để mở rộng thị trường, ngành hàng.

Củng cố khách hàng, thị trường truyền thống; khai phá khách hàng, thị trường tiềm năng, đặc biệt thị trường Âu-Mỹ-Đông Bắc Á. Trong đó lưu ý các thị trường châu Âu (chiếm tỷ trọng trên 20% KNXK nhựa của Việt Nam) cần được nghiên cứu, thâm nhập sâu, đặc biệt khi EVFTA đã có hiệu lực từ tháng 8/2020; đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường mục tiêu là Mỹ, Nhật, Đức...với các sp đạt tiêu chuẩn; Và chú trọng thị trường châu Á (và Trung Quốc), nơi nhu cầu về nhựa còn nhiều tiềm năng phát triển.

Bên cạnh đó, tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào từ nhiều nguồn khác nhau như Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia..., hoặc nghiên cứu tự chủ sản xuất nguyên liệu từ nguồn nhựa tái sinh, hoặc tận dụng nguồn nguyên liệu trong nước, tránh tình trạng lệ thuộc vào các thị trường nhập khẩu nguyên liệu như hiện tại.



**ĐIỂM MẠNH**

- Rạng Đông là thương hiệu lâu đời và uy tín tại Việt Nam với bề dày kinh nghiệm sản xuất ngành nhựa từ 1960.
- Việc lắp đặt, đầu tư công nghệ sản xuất tiên tiến và vận hành ổn định trang thiết bị máy móc thời gian qua tại các đơn vị thành viên theo tiêu chuẩn quốc tế, đã góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm & gia tăng sản lượng, tạo tiền đề phát triển trung và dài hạn cho Tập đoàn.
- Chuyển đổi mô hình quản lý tập đoàn (Holding) đã thúc đẩy chuyên môn hóa các phân hệ đầu tư, tài chính, sản xuất, kinh doanh thương mại, vận chuyển, kho bãi; đồng thời, giúp các đơn vị thành viên phát huy lợi thế kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, từng bước phát triển vững chắc.
- Năm 2018 - 2019, Tập đoàn đã đạt được các Chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001 Quacert, ISO 22.000 Quacert, SMECTA và cả Chứng chỉ FSSC 22.000, một trong những tiêu chuẩn khắt khe nhất đối với ngành bao bì thực phẩm, tạo tiền đề phát triển, mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước có tiêu chuẩn cao như: Nhật, Hàn, Châu Âu, Bắc Mỹ... Năm 2020, đã nâng cấp chứng nhận FSSC 22000 Version 5.0\_ đáp ứng yêu cầu của khách hàng lớn như (Ajinomoto, Vedan, Vinamilk, Duch lady, Pepsi, Coca, Phạm Nguyên, Trung Nguyên, v.v.); Và đặc biệt, đã được Chứng nhận ISO 13485: 2016\_ là tiêu chuẩn quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại các cơ sở cung cấp dụng cụ y tế và dịch vụ liên quan, mở ra hướng kinh doanh mới cho Tập đoàn. Tiếp đó, là

- Chúng nhận ISO 17025 : 2017 chứng nhận phòng thử nghiệm đạt yêu cầu theo chuẩn quốc tế đầu tiên và duy nhất, chứng nhận khả năng của các phòng thử nghiệm trên phạm vi toàn cầu.
- Xây dựng chính sách lao động phù hợp, nhờ đó đã giữ gìn nguồn nhân lực đặc biệt là nhân sự chủ chốt; đồng thời thu hút nhân tài, không ngừng nâng cao trách nhiệm- chất lượng-hiệu quả và năng suất làm việc cho người lao động.
- Chính sách chất lượng được công bố minh bạch, cam kết chịu trách nhiệm với mỗi đơn hàng giao cho đối tác; Chính sách bán hàng đến đại lý rõ ràng, công bằng; Do vậy mà Tập đoàn đã xây dựng được hệ thống đại lý trung thành và gắn bó lâu năm.
- Hạ tầng thông tin được quan tâm đầu tư xây dựng, và khai thác hiệu quả phục vụ cho hoạt động quản lý, sản xuất và kinh doanh. Đồng thời, xây dựng và vận hành thành công SAP-ERP trong quản trị doanh nghiệp và quản trị sản xuất, thông qua đó đã giúp quản lý doanh nghiệp hiệu quả và gia tăng lợi nhuận.

**ĐIỂM YẾU**

- Nguyên liệu sản xuất trong nước hiện đến trên 80% phụ thuộc vào nhập khẩu nên việc bị động và ảnh hưởng bởi các yếu tố đầu vào như: tỷ giá ngoại tệ, biến động giá nguyên liệu, chính sách thuế nhập khẩu...là hạn chế chung của doanh nghiệp sản xuất-kinh doanh nhựa nội địa.
- Chi phí sản xuất còn cao do đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, suất đầu tư lớn gây áp lực lên hoạt động tài chính, dẫn đến ảnh hưởng sức cạnh tranh.
- Tác động tiêu cực đến nền kinh tế, sức mua do đại dịch COVID-19.

**CƠ HỘI**







- Châu Âu là thị trường quan trọng, chiếm trên 20% trong cơ cấu giá trị xuất khẩu của ngành nhựa Việt Nam. Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) chính thức có hiệu lực mở ra nhiều cơ hội và triển vọng to lớn không chỉ cho lĩnh vực nhập khẩu nguyên liệu mà còn cả xuất khẩu sản phẩm từ nhựa.
- Khu vực Châu Á nói chung, Việt Nam nói riêng hiện có tỉ lệ tiêu thụ nhựa bình quân đầu người còn thấp và có tốc độ tăng trưởng nhu cầu nhựa ở mức cao. Do vậy, ngoài các thị trường Âu, Mỹ, thì châu Á và thị trường nội địa còn nhiều tiềm năng to lớn để khai thác.
- Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người ổn định sẽ là động lực tăng trưởng nhu cầu của ngành nhựa Việt Nam trong 2021, và các năm tới, đặc biệt khi đại dịch từng bước được kiểm soát.
- Kim ngạch xuất khẩu ngành nhựa dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2021, và các năm tiếp theo với dự đoán mức tăng được duy trì ở mức tối thiểu 6,5%.
- Tập đoàn đã và đang đầu tư và sản xuất các sản phẩm thế mạnh như: Bao bì, giả da, màng nhựa ..., là những sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thiết yếu cung cấp nguyên phụ liệu đầu vào cho các ngành sản xuất khác, đóng góp vào việc phát triển chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Hoạt động liên kết thương mại và xuất khẩu được đẩy mạnh với mục tiêu tăng 40%/năm. Đặc biệt, bên cạnh giữ vững khách hàng truyền thống tại các thị trường khó tính như Âu, Mỹ, Nhật, với việc ký kết

thành công Hợp đồng hợp tác chiến lược với Medline (USA) đã mở ra hướng đi mới cho Tập đoàn trong việc sản xuất và cung ứng sản phẩm y tế cho thị trường Hoa Kỳ, mở đường cho việc trở thành nhà sản xuất sản phẩm nhựa y tế lớn nhất Việt Nam.

**THÁCH THỨC**

- Nguyên liệu phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu, dẫn đến việc phụ thuộc và bị động về nguyên liệu sản xuất.
- Thị trường nhựa liên tục có sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp trong nước, ngoài nước:
  - + Nguồn hàng Trung Quốc với giá thành rẻ, màu sắc, mẫu mã đa dạng đi theo đường tiểu ngạch thâm nhập thị trường Việt Nam gia tăng áp lực cạnh tranh.
  - + Ngành nhựa Việt Nam còn nhiều dư địa tăng trưởng, vì vậy các doanh nghiệp nội địa phải đối mặt với cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp FDI.
  - Ngành công nghiệp dệt, nhuộm trong nước kém phát triển, gây khó khăn cho nguồn nguyên phụ liệu đầu vào ngành Giả Da.



	RỦI RO	GIẢI PHÁP
	<p><b>RỦI RO TỶ GIÁ NGOẠI TỆ</b> Là rủi ro xảy ra khi giá trị hợp lý, hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.</p>	<p>Tập đoàn cân đối các khoản vay bằng ngoại tệ với các khoản thu ngoại tệ hợp lý để giảm thiểu rủi ro.</p>
	<p><b>RỦI RO LÃI SUẤT</b></p>	<p>Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý, có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro, bên cạnh đó, dự kiến các phương án về lãi suất để chủ động đưa ra các quyết định liên quan nguồn vốn tài trợ hợp lý.</p>
	<p><b>RỦI RO KHÁCH HÀNG</b></p>	<p>Ngoài việc quản lý nhóm khách hàng lớn đảm bảo việc duy trì và tăng trưởng doanh số, Tập đoàn còn xây dựng nhóm khách hàng mới tiềm năng.</p>
	<p><b>RỦI RO VỀ NHÂN LỰC</b> Liên quan đến số lượng, và chất lượng tay nghề của người lao động đáp ứng nhu cầu lao động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu hút nguồn nhân lực chất lượng, phát triển lực lượng lao động có trình độ cao, tổ chức tốt nguồn nhân lực, quy hoạch nhân sự quản lý với định hướng lâu dài;</li> <li>- Đầu tư cho hoạt động đào tạo nội bộ và bên ngoài phù hợp nhằm bồi dưỡng, phát huy nguồn nhân lực kỹ thuật, kỹ thuật và chất lượng cao;</li> <li>- Xây dựng chính sách, cơ chế đãi ngộ phù hợp để gìn giữ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng.</li> </ul>
	<p><b>RỦI RO NGUỒN NGUYÊN LIỆU</b> Hơn 80% nguyên liệu nhựa Việt Nam phải nhập khẩu, gây ra tình trạng bị động trong sản xuất.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý tồn kho an toàn, thường xuyên đánh giá chất lượng nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý.</li> <li>- Đầu tư mở rộng liên doanh liên kết, phát triển các công ty con trở thành chuỗi cung ứng sản xuất.</li> </ul>
	<p><b>RỦI RO KHÁCH QUAN</b> Do bởi thiên tai, dịch họa, dịch bệnh : Cuộc khủng hoảng Covid-19 hai năm qua đã bộc lộ tính dễ bị tổn thương của các DN sản xuất.</p>	<p>Các biện pháp ứng phó Covid-19, có thể được chia làm 04 nhóm: (i). Tìm kiếm các nguồn doanh thu thay thế; (ii). Điều chỉnh phương thức làm việc; (iii). Giảm chi phí lao động; và (iv). Tạm ngừng hoạt động một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp.</p> <p>Đối với Tập đoàn Rạng Đông, qua thời gian chống chọi đại dịch đã cho thấy sự chỉ đạo xuyên suốt, sát sao của Ban Lãnh đạo trong việc mạnh mẽ triển khai, và sự nghiêm túc tuân thủ “5K” của Bộ Y tế (KHẨU TRANG; KHỬ KHUẨN; KHOẢNG CÁCH; KHÔNG TỤ TẬP; và KHAI BÁO Y TẾ) của tập thể CB-NV, đặc biệt trong các thời điểm cao điểm như bùng dịch, tái bùng dịch, Tết Âm lịch, nhờ đó đã và đang chủ động đối phó – kiểm soát tốt trong phạm vi toàn tập đoàn.</p>

## 02 - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

SỰ KIỆN NỔI BẬT 2020

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM



Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội diễn ra Lễ Công bố sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2020, có 124 doanh nghiệp với tổng số 283 sản phẩm được công nhận đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2020. Mặc dù trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn do dịch Covid-19 bùng phát, kỳ xét chọn THQG lần thứ 7 năm 2020 vẫn thu hút được sự quan tâm tham gia của hơn 1.000 doanh nghiệp trên cả nước. Rạng Đông Holding vinh dự đạt được danh hiệu cao quý này. Rạng Đông Holding cũng là doanh nghiệp 7 lần liên đạt danh hiệu Thương hiệu Quốc gia Việt nam.

Thương hiệu Nhựa Rạng Đông đã trở thành biểu tượng quốc gia và được các đối tác trong nước và quốc tế đặt trọn niềm tin. Khách vọng vươn lên trở thành một tập đoàn hùng mạnh bằng nỗ lực lao động sáng tạo của từng thành viên trong công ty; cung ứng những sản phẩm tốt nhất cho khách hàng góp phần hưng thịnh quốc gia; đem lại mỗi thành viên của công ty cho điều kiện phát triển tài năng tốt nhất và cuộc sống đầy đủ về vật chất lẫn phong phú về tinh thần; đem đến sự tối ưu hoá lợi nhuận, đảm bảo tính công khai, minh bạch đối với các cổ đông là nét văn hoá doanh nghiệp độc đáo của Nhựa Rạng Đông. Đây là kết quả của sự đoàn kết, kiên trì và nỗ lực vượt bậc của toàn thể Ban Lãnh Đạo và CBCNV trong việc thực hiện Tuyên ngôn Giá trị của mình **"Luôn Luôn Tốt Hơn"**.

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



Nhựa Rạng Đông vinh dự đón nhận danh hiệu HVNCLC 2020 lần thứ 24 liên tiếp do người tiêu dùng bình chọn do Hội doanh nghiệp HVNCLC tổ chức. Đây động lực mạnh mẽ để chúng tôi luôn ý thức phải gìn giữ thương hiệu, cải tiến chất lượng để ngày càng hoàn thiện hơn nữa, giữ vững niềm tin yêu của khách hàng, người tiêu dùng.

### CHƯƠNG TRÌNH TƯ VẤN

#### CẢI TIẾN NĂNG SUẤT & CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC DO BỘ CÔNG THƯƠNG TỔ CHỨC CÙNG VỚI TẬP ĐOÀN SAMSUNG

Cải tiến chất lượng - Chìa khóa để thành công Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An vinh dự được tham dự "Chương Trình Tư Vấn Cải Tiến Năng Suất & Chất Lượng Môi Trường Làm Việc" do Bộ Công Thương tổ chức cùng với tập đoàn Samsung.

Mục tiêu của Chương trình Cải Tiến là tạo bước chuyển biến về năng suất chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực quản lý, nâng cao tay nghề của người lao động. Để tinh thần cải tiến đạt kết quả tốt nhất, tập thể ban lãnh đạo cam kết **QUYẾT TÂM CẢI TIẾN LIÊN TỤC**, không ngừng làm tốt hơn.





**14** NĂM LIÊN TIẾP  
ĐẠT DANH HIỆU  
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



Vietnam Value

TRÊN **40** NĂM  
DOANH NGHIỆP  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



**24** NĂM LIÊN TIẾP  
ĐẠT DANH HIỆU  
HÀNG VIỆT NAM  
CHẤT LƯỢNG CAO



**15** NĂM LIÊN TIẾP  
ĐẠT DANH HIỆU  
SAO VÀNG ĐẤT VIỆT



TOP **5** BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
TỐT NHẤT







**FSSC 22000 Version 5.0**

Tháng 4/2020: Nâng cấp chứng nhận FSSC 22000 Version 5.0\_ chứng nhận hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh sản phẩm bao bì nhựa đảm bảo an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu của khách hàng (Ajinomoto, Vedan, Vinamilk, Duch lady, Pepsi, Coca, Phạm Nguyễn, Trung Nguyễn, v.v...).

**Lợi ích của việc áp dụng FSSC 22000 - V 5.0**

- Doanh nghiệp tuân thủ đúng yêu cầu pháp luật.
- Đảm bảo An toàn thực phẩm cho người tiêu dùng khi sử dụng.
- Giúp doanh nghiệp nhận diện và kiểm soát được mối nguy về an toàn thực phẩm.
- Giảm thiểu chi phí tái chế và huỷ bỏ sản phẩm.
- Đáp ứng yêu cầu của khách hàng.
- Trao đổi thông tin có hiệu quả với các bên liên quan về các vấn đề an toàn thực phẩm.
- Nâng cao uy tín, năng lực cạnh tranh.
- Tăng cơ hội xuất khẩu, thâm nhập thị trường thế giới.
- Giảm tần suất kiểm tra của các cơ quan chức năng.
- Cải thiện mối quan hệ tốt cả 3 bên: Doanh nghiệp, Nhà nước, Người tiêu dùng.



**ISO 13485: 2016**

Tháng 5/2020 : Đạt chứng nhận ISO 13485: 2016 là tiêu chuẩn quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý chất lượng áp dụng tại các cơ sở cung cấp dụng cụ y tế.

**Lợi ích của việc áp dụng ISO 13485: 2016**

- Tuân thủ pháp luật: Chứng nhận ISO 13485 yêu cầu tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý và quy định.
- Quản lý rủi ro nâng cao: ISO 13485 giúp quản lý rủi ro bằng cách tăng khả năng truy nguyên và tính nhất quán của các sản phẩm và dịch vụ.
- Giảm chi phí hoạt động: ISO 13485 giúp liên tục cải thiện các quy trình và làm cho chúng hiệu quả hơn theo thời gian, tiết kiệm ngân sách cho tổ chức.
- Cải thiện sự hài lòng của khách hàng: thiết bị y tế QMS giúp cung cấp chất lượng ổn định hơn trong các sản phẩm và dịch vụ, giúp sản phẩm đáng tin cậy hơn và có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.
- Truy cập thông tin tốt hơn: Tài liệu mà ISO 13485 yêu cầu có thể hỗ trợ tổ chức của bạn tạo ra một nền tảng kiến thức tổng hợp, có thể giúp xác định các vấn đề và cải thiện các sản phẩm và quy trình. - Cải thiện uy tín kinh doanh: ISO 13485 được quốc tế công nhận là dấu hiệu của một doanh nghiệp có uy tín và sản phẩm chất lượng cao.
- Cơ hội mở rộng quốc tế: ISO 13485 được quốc tế công nhận là dấu hiệu của chất lượng sản phẩm và là bước đầu tiên để phê duyệt theo quy định tại nhiều thị trường lớn.



**ISO 17025 : 2017 17025:2017**

Tháng 8/2020: Đạt chứng nhận ISO 17025 : 2017 chứng nhận phòng thử nghiệm đạt yêu cầu theo chuẩn quốc tế đầu tiên và duy nhất, chứng nhận khả năng của các phòng thử nghiệm trên phạm vi toàn cầu.

**Lợi ích của việc áp dụng ISO 17025: 2017**

- Tạo nền móng cho sản phẩm có chất lượng: ISO 17025 giúp: định hướng các hoạt động theo quá trình; quản lý hoạt động PTN một cách có hệ thống và có kế hoạch; giảm thiểu và loại trừ các chi phí phát sinh sau kiểm tra.
- Tăng năng suất và giảm giá thành: ISO 17025 cung cấp các phương tiện giúp thực hiện công việc đúng ngay từ đầu để giảm thiểu khối lượng công việc làm lại; kiểm soát chi phí xử lý sản phẩm sai hỏng, giảm lãng phí về thời gian, nguyên vật liệu, nhân lực và tiền bạc; giảm được chi phí kiểm tra cho cả Doanh nghiệp và khách hàng.
- Tăng năng lực cạnh tranh: ISO 17025 giúp Doanh nghiệp tăng lợi thế cạnh tranh thông qua việc chứng tỏ với khách hàng sản phẩm do DN sản xuất phù hợp với chất lượng đã cam kết, PTN có năng lực kĩ thuật và có thể cung cấp các kết quả có giá trị về mặt kĩ thuật; giúp PTN quản lý hiệu quả nguồn nhân lực, tích lũy những bí quyết làm việc\_yếu tố cạnh tranh đặc biệt của sản phẩm PTN.
- Tăng uy tín của PTN về chất lượng: ISO 17025 giúp PTN nâng cao hình ảnh về một hệ thống quản lý kỹ thuật đạt tiêu chuẩn mà khách hàng, đối tác và người tiêu dùng mong đợi và tin tưởng.



**ISO 9001 : 2015  
ISO 22000 : 2018  
ISO 14001 : 2015**

**ISO 9001: 2015**

Nhựa Rạng Đông đã đạt được chứng nhận ISO 9001: 2015 được đánh giá và cấp chứng nhận bởi Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) lớn nhất Việt Nam.

Hệ thống quản lý rất bài bản & chuyên nghiệp từ đầu vào đến đầu ra ở tất cả các Nhà máy & phòng ban, mọi thứ đều được đo lường & kiểm soát. Đặc biệt các chỉ số sản xuất, kinh doanh được thể hiện rất rõ ràng, đó là: Năng suất tăng, Chất lượng tốt & ổn định đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chi phí sản xuất giảm, số lượng khách hàng tăng, doanh thu tăng & lợi nhuận cùng kỳ tăng, v.v...

**ISO 22000: 2018**

Nhựa Rạng Đông cũng đạt được chứng nhận ISO 22000 : 2018 (Hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm) . Đây là một chứng chỉ rất uy tín, có nhiều yêu cầu khắt khe bắt buộc tuân thủ trong quản lý sản xuất các sản phẩm liên quan đến an toàn thực phẩm còn ít công ty tại Việt Nam đạt được. Với tư cách là nhà sản xuất các sản phẩm bao bì an toàn thực phẩm, cần tuân thủ tuyệt đối các quy tắc quản lí chất lượng từ nguyên liệu đầu vào tới khâu sản phẩm đầu ra, Nhựa Rạng Đông tự hào là những đơn vị đi đầu trong việc xây dựng áp dụng đạt chứng nhận ISO 22000: 2018. Đây cũng là một bước đột phá mạnh mẽ, khẳng định vị thế của Nhựa Rạng Đông trên thị trường trong nước & quốc tế.

**ISO 14001:2015**

Nhựa Rạng Đông cũng đạt được chứng nhận ISO 14001:2015 (Hệ thống quản lý môi trường).

## NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình kinh tế xã hội trong năm 2020: Bối cảnh kinh tế - xã hội trong năm 2020 trải qua nhiều biến động lớn, bất ổn và khó khăn. Cụ thể như sau:

- Dịch bệnh covid 19 bùng phát từ cuối năm 2019 tạo ra những tác động chưa từng có tiền lệ đối với kinh tế thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng. Giãn cách xã hội do dịch bệnh làm trì trệ việc thông thương hàng hóa, gây ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu. Nhiều Doanh nghiệp rơi vào tình trạng gián đoạn, tạm ngừng hoạt động. Sự bùng phát của dịch bệnh đã làm thay đổi hoàn toàn phương thức kinh doanh ổn định từ trước đến nay.
- Thiên tai hạn hán, mưa bão, lũ lụt diễn ra trên diện rộng, liên tục trong nhiều tháng đã gây thiệt hại lớn cho đời sống của người dân và tình hình kinh tế - xã hội cả nước, gián tiếp làm suy giảm nhu cầu tiêu thụ tại thị trường nội địa.
- Căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế, tuy không tiếp tục leo thang, nhưng vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, làm ảnh hưởng hoạt động cung ứng, sản xuất hàng hóa trên thế giới.
- Tăng trưởng kinh tế giảm so với các năm do ảnh hưởng từ dịch bệnh và thiên tai, bão lũ. Do các tác động khách quan, các ngành bao bì, giá da, màng mỏng, tôn ván có dấu hiệu chậm lại, gây ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu thụ. Mặc dù vậy, với sự điều hành linh hoạt của Chính

phủ và các Bộ ngành, cũng như nỗ lực của các doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội trong nước có một số điểm sáng thuận lợi:

- Đại dịch COVID-19 tại Việt Nam đã được kiểm soát tốt. Giãn cách xã hội từng bước được dỡ bỏ. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đã phát huy tác dụng. Tính đến cuối năm 2020, nền kinh tế đang trên đà phục hồi, nhu cầu tiêu thụ tăng trưởng trở lại.
- Tuy tăng trưởng kinh tế bị ảnh hưởng, nhưng các chỉ số vĩ mô cơ bản vẫn cho thấy sự ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giảm. Lạm phát được kiểm soát. Thị trường tiền tệ ổn định. Vốn đầu tư công vào các dự án xây dựng cơ bản, hạ tầng được giải ngân đúng tiến độ, góp phần tạo ra nhu cầu đối với các sản phẩm bao bì, giá da, màng mỏng, tôn ván và sản phẩm y tế.
- Hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, để lại nhiều dấu ấn quan trọng. Trong năm 2020, nhiều Hiệp định tự do thương mại được ký kết, trong đó các Hiệp định tiêu chuẩn cao, thị trường rộng như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CTTPP); Hiệp định tự do thương mại song phương Việt Nam – Châu Âu (EVFTA); Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)...đã mở ra nhiều cơ hội cho việc phát triển kinh tế.

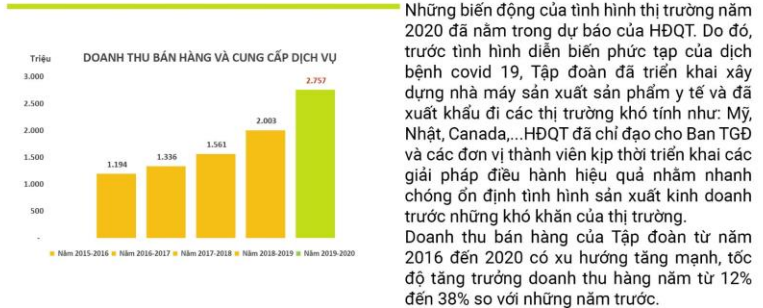
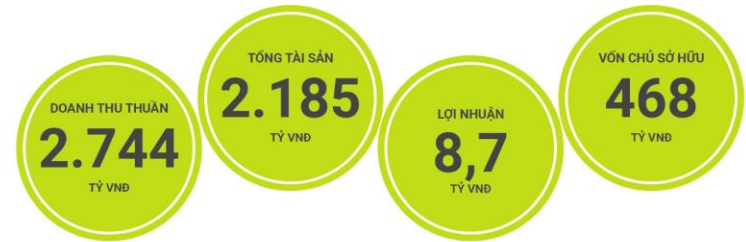
## TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Tình hình thị trường bao bì, tôn ván, màng mỏng, giá da và sản phẩm y tế trong năm 2020 tuy có sự khởi sắc so với 02 năm trước đây, nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều bất ổn, khó lường:

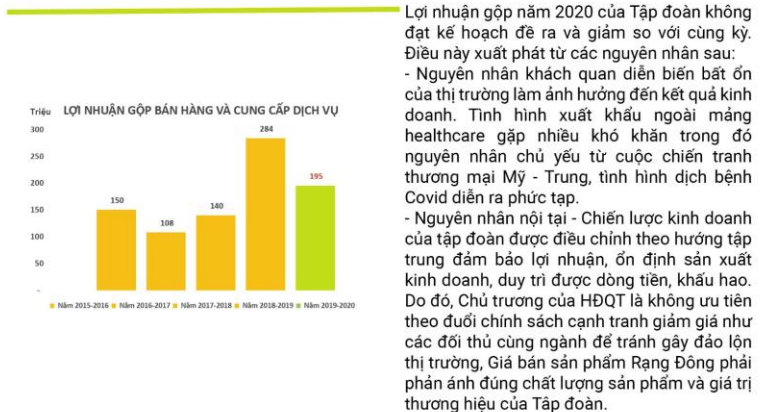
- Giá nguyên liệu tiếp tục biến động phức tạp do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, gây tác động đến chi phí mua nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bao bì, giá da, màng mỏng và sản phẩm y tế.
- Chính sách bảo hộ sản xuất nội địa, phòng vệ thương mại tại các thị trường xuất khẩu tiếp

tục duy trì và có xu hướng gia tăng, làm ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp.

- Thị trường nội địa tiếp tục cạnh tranh khốc liệt. Các doanh nghiệp nhóm sản phẩm bao bì phải đối mặt với nhiều vấn đề, trong đó nổi bật là: Công suất sản xuất dư thừa; Thiên tai, bão lũ, dịch bệnh làm ảnh hưởng, gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh; Tình trạng hàng giả, hàng nhái gia tăng; Sản lượng bao bì giá rẻ, kém chất lượng vẫn được nhập khẩu ồ ạt vào Việt Nam.



Những biến động của tình hình thị trường năm 2020 đã nằm trong dự báo của HĐQT. Do đó, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh covid 19, Tập đoàn đã triển khai xây dựng nhà máy sản xuất sản phẩm y tế và đã xuất khẩu đi các thị trường khó tính như: Mỹ, Nhật, Canada,...HĐQT đã chỉ đạo cho Ban TGĐ và các đơn vị thành viên kịp thời triển khai các giải pháp điều hành hiệu quả nhằm nhanh chóng ổn định tình hình sản xuất kinh doanh trước những khó khăn của thị trường. Doanh thu bán hàng của Tập đoàn từ năm 2016 đến 2020 có xu hướng tăng mạnh, tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 12% đến 38% so với những năm trước.



Lợi nhuận gộp năm 2020 của Tập đoàn không đạt kế hoạch đề ra và giảm so với cùng kỳ. Điều này xuất phát từ các nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân khách quan diễn biến bất ổn của thị trường làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Tình hình xuất khẩu ngoài mảng healthcare gặp nhiều khó khăn trong đó nguyên nhân chủ yếu từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, tình hình dịch bệnh Covid diễn ra phức tạp.
- Nguyên nhân nội tại - Chiến lược kinh doanh của tập đoàn được điều chỉnh theo hướng tập trung đảm bảo lợi nhuận, ổn định sản xuất kinh doanh, duy trì được dòng tiền, khấu hao. Do đó, Chủ trương của HĐQT là không ưu tiên theo đuổi chính sách cạnh tranh giảm giá như các đối thủ cùng ngành để tránh gây đảo lộn thị trường. Giá bán sản phẩm Rạng Đông phải phản ánh đúng chất lượng sản phẩm và giá trị thương hiệu của Tập đoàn.



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH BA NĂM (2018-2019-2020)

Chỉ tiêu	Mã số	2020	2019	2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.757.291.165.161	2.002.989.144.053	1.560.702.567.371
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	12.980.615.506	11.535.226.126	8.773.381.403
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>2.744.310.549.655</b>	<b>1.991.453.917.927</b>	<b>1.551.929.185.968</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	2.549.288.942.428	1.707.704.413.639	1.412.105.646.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	195.021.607.227	283.749.504.288	139.823.539.354
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	559.732.803	4.150.096.070	2.835.539.245
7. Chi phí tài chính	22	94.037.101.902	86.311.568.363	46.998.340.992
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	93.600.289.772	85.546.828.186	45.935.268.951
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	1.108.137.938	(1.978.253.518)	85.926.752
9. Chi phí bán hàng	25	34.026.558.977	39.165.713.693	35.826.247.418
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	61.880.854.685	75.895.859.044	45.901.298.271
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>6.744.962.404</b>	<b>84.548.205.740</b>	<b>14.019.118.670</b>
12. Thu nhập khác	31	6.026.781.573	11.441.480.083	9.776.967.163
13. Chi phí khác	32	4.035.091.449	11.499.052.338	620.227.559
14. Lợi nhuận khác	40	1.991.690.124	(57.572.255)	9.156.739.604
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8.736.652.528	84.490.633.485	23.175.858.274
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.725.251.758	18.371.002.335	5.751.258.452
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(189.665.786)	(3.972.523.929)	5.328.862.051
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>3.201.066.556</b>	<b>70.092.155.079</b>	<b>12.095.737.771</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	1.379.173.509	43.244.598.222	23.103.890.829
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	1.821.893.047	26.847.556.857	(11.008.153.058)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	34	1.053	619

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Mã số	Kế hoạch 2020	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.828.380.084.822	2.757.291.165.161	2.002.989.144.053
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	12.980.615.506	11.535.226.126
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>1.828.380.084.822</b>	<b>2.744.310.549.655</b>	<b>1.991.453.917.927</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	1.519.962.578.848	2.549.288.942.428	1.707.704.413.639
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	308.417.505.974	195.021.607.227	283.749.504.288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	325.000.000	559.732.803	4.150.096.070
7. Chi phí tài chính	22	81.108.387.685	94.037.101.902	86.311.568.363
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	81.108.387.685	93.600.289.772	85.546.828.186
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	1.108.137.938	(1.978.253.518)
9. Chi phí bán hàng	25	57.339.054.125	34.026.558.977	39.165.713.693
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	81.137.777.976	61.880.854.685	75.895.859.044
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>89.157.286.188</b>	<b>6.744.962.404</b>	<b>84.548.205.740</b>
12. Thu nhập khác	31	650.000.000	6.026.781.573	11.441.480.083
13. Chi phí khác	32	485.000.000	4.035.091.449	11.499.052.338
14. Lợi nhuận khác	40	165.000.000	1.991.690.124	(57.572.255)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	89.322.286.188	8.736.652.528	84.490.633.485
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18.591.155.664	5.725.251.758	18.371.002.335
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	(189.665.786)	(3.972.523.929)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>70.731.130.524</b>	<b>3.201.066.556</b>	<b>70.092.155.079</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	43.638.825.456	1.379.173.509	43.244.598.222
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	27.092.305.068	1.821.893.047	26.847.556.857
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.169	34	1.158

## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT

### ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Năm qua, trong lúc lực lượng lao động sút giảm (do yếu tố dịch bệnh), thì năng suất bình quân lại gia tăng đến 107%. Nguyên nhân là sau giai đoạn đi dờ, lắp đặt lại máy móc, các nhà máy đã đi vào hoạt động ổn định, thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo hoạt động tốt; mặt khác, các NM tập trung thực hiện tái định biên, sắp xếp lại lao động theo hướng chuyên môn hóa công việc, dẫn đến sản xuất ổn định, năng suất lao động nâng cao.

Bên cạnh đó, đội ngũ QA/QC được xây dựng đồng bộ, hoạt động chuyên nghiệp; các quy trình, quy định, hệ thống ISO ngày càng được hoàn thiện, góp phần đảm bảo chất lượng trong sản xuất. Công tác đào tạo được quan tâm đúng mức: 100% công nhân mới được đào tạo trước khi làm việc, được đào tạo đa năng đảm bảo nhân viên có thể đảm nhiệm nhiều việc.

Điểm sáng trong hoạt động sản xuất năm 2020 (và các năm qua) là các Nhà máy đã học tập, xây dựng và áp dụng 5S; tiếp đó là áp dụng Pro-3M của Tập đoàn Samsung vào hoạt động quản lý sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý sản xuất và năng suất lao động. Ngoài ra, các NM đã chủ động tìm kiếm cải tiến kỹ thuật phù hợp để tiết kiệm chi phí sản xuất, nhờ đó, vượt ngoạn mục kế hoạch sản xuất năm.



### BÁO CÁO TỔNG LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU SỬ DỤNG CÁC NĂM (2019-2020)

STT	Nhóm	ĐVT	2019	2020	Tỷ lệ %	Tăng trưởng
1	Nguyên liệu chính	tấn	20.190	18.151	90	-2.039
2	Màng nhựa	tấn	3.885	4.360	112	475
3	Bán thành phẩm áo y tế	cái	-	1.407.847	-	1.407.847
4	Phụ gia	tấn	1.308	1.423	109	115
5	Phụ liệu	tấn	263	1.150	437	887

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT 2021

- Hàng áo y tế PE Gowns: dự kiến đạt sản lượng 1.125.000 áo/tháng.
- RDF đang triển khai dự án sản xuất túi siêu thị (shopping bag), được đưa vào sản xuất từ tháng 03/2021.
- Tiếp tục chăm sóc tốt để tăng trưởng thị phần cung cấp bao bì cho các khách hàng truyền thống, tập trung phát triển thêm các khách mới và sản phẩm bao bì ghép phức hợp mới, để đạt mục tiêu tăng trưởng doanh số 148% so với thực hiện 2020.
- Phát triển cung cấp thêm bao bì bột ngọt với các SKU mới, dự kiến từ quý II năm 2021, sản lượng tăng khoảng 1 triệu túi/tháng.
- Phát triển cung cấp thêm bao bì thực phẩm đông lạnh thủy sản, với các SKU mới, dự kiến sản lượng tăng khoảng 500.000 túi/tháng.

- Phát triển cung cấp thêm bao bì gạo, với các SKU mới, dự kiến sản lượng tăng khoảng 100.000 túi/tháng.
- Phát triển cung cấp thêm dòng bao bì hóa mỹ phẩm (bột giặt, dầu gội, nước xả vải ...), hạt nêm, thuốc bảo vệ thực vật ..., dự kiến triển khai từ quý IV năm 2021.
- Cải tạo máy ghép Shinhan để có thể tham gia cung cấp trở lại dòng bao bì café, dự kiến từ quý II năm 2021, sản lượng đạt khoảng 100.000 m2/tháng.
- Nghiên cứu phát triển cung cấp túi y tế tiết trùng bằng khí, dự kiến từ quý II năm 2021, sản lượng khoảng 200.000 túi/tháng.
- Nghiên cứu phát triển dòng sản phẩm màng in chuyển nhiệt cho nhà máy in, dự kiến từ quý III năm 2021, sản lượng khoảng 100.000 m2/tháng.

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRUNG HẠN (2021 – 2025)

- Duy trì tốc độ tăng trưởng về sản lượng là 15 - 20%/ năm giai đoạn 2021 - 2025
- Đóng góp doanh thu từ gia công chế biến hàng xuất khẩu là 50% (khu vực áo mưa), 60% (khu vực hàng y tế)
- Khai thác tối hiệu quả các máy móc đã được công ty đầu tư, đặc biệt ở máy ép cao tần và các máy may, tỷ lệ khai thác hiệu quả trên 70%.

- Liên tục phát triển danh mục sản phẩm chủ lực, phát triển thêm dòng sản phẩm hàng từ màng PVC, EVA, góp phần tăng sản lượng cho máy cán màng ở nhà máy 01. Đóng góp cho công ty từ 5 đến 10 sản phẩm mới/năm.
- Có khả năng độc lập, tự chủ về thiết kế, chất lượng và khả năng khai thác các sản phẩm trên thị trường.

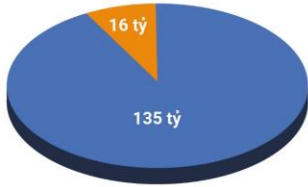




**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN**

Năm 2020 là năm đại dịch Covid-19 bùng phát. Năng động, sáng tạo tìm kiếm cơ hội kinh doanh trong khó khăn, thách thức, Tập đoàn đã chủ động đàm phán, trở thành đối tác cung cấp độc quyền thiết bị y tế cho Medline (USA). Do vậy, năm qua Tập đoàn đã tập trung đầu tư hệ thống máy móc thiết bị vào lĩnh vực dây chuyền này, thỏa mãn nhu cầu y tế ngày càng gia tăng trong nước, và quốc tế. Chưa tính các khoản đầu tư xây dựng cơ bản, tổng giá trị đầu tư mới cho dây chuyền trang

thiết bị máy móc hiện đại năm 2020 là 151,5 tỷ VND, trong đó, chỉ tính riêng thiết bị sản xuất vật tư y tế đã được Tập đoàn đầu tư hơn 135 tỷ đồng, chiếm đến 88,8 % tỷ trọng đầu tư trong năm, đặc biệt nhất là hệ thống Dây chuyền sản xuất vải không dệt khổ vải 3200mm, là dây chuyền hiện đại lớn nhất Việt Nam và Đông Nam Á. Đây là những bước đầu tư mạnh mẽ, và quyết đoán của Tập đoàn trên cơ sở thận trọng phân tích tình hình thị trường, và dựa vào các hợp đồng kinh tế đã ký kết với đối tác.



■ Tổng mức đầu tư RDH (thiết bị sản xuất vật tư y tế)  
 ■ Tổng mức đầu tư RDF



**KẾT QUẢ BAN ĐẦU TỪ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ**

**Đầu tư trung tâm nghiên cứu R&D:**

- Tiếp tục đầu tư sâu, rộng và hoàn chỉnh các thiết bị đo lường kiểm nghiệm kỹ thuật cao.
- Trong năm 2020, Trung tâm Nghiên cứu R&D của Tập đoàn đã đạt chuẩn ISO 17025:2017 là Chứng nhận phòng thử nghiệm đạt yêu cầu theo chuẩn quốc tế đầu tiên và duy nhất, nhằm chứng nhận khả năng của các phòng thử nghiệm trên phạm vi toàn cầu.

**Đầu tư công nghệ kỹ thuật:**

Tập đoàn tiếp tục đầu tư sâu vào hệ thống dây chuyền sản xuất trang thiết bị y tế, phục vụ cho nhu cầu ngày càng tăng cao cả trong nước, và quốc tế, đáng kể là Dây chuyền sản xuất vải không dệt khổ vải 3200mm, lớn nhất Việt Nam và Đông Nam Á.

**Đầu tư hạ tầng thông tin**

Việc chia sẻ dữ liệu nhanh chóng và chuẩn xác phục vụ cho việc xử lý, điều hành từ trụ sở chính đến các đơn vị thành viên, hệ thống các nhà máy trực thuộc và ngược lại là rất cần thiết.

Nhằm đảm bảo hoạt động điều hành, Rạng Đông Holding đã đầu tư hệ thống quản lý nguồn lực ERP-SAP all-in-one và đang hoạt động ổn định.

**Mở rộng hợp tác liên kết, liên doanh**

- Tập đoàn đã ký kết Hợp đồng hợp tác chiến lược với Medline Industries, INC Medline (USA), thông qua đó Tập đoàn đã sản xuất và cung ứng các sản phẩm y tế chất lượng tốt, giá trị cao và toàn diện cho thị trường Hoa Kỳ, trở thành nhà sản xuất sản phẩm nhựa y tế hàng đầu tại Việt Nam.

**MỘT SỐ DỰ ÁN TIÊU BIỂU**

**Về sản phẩm**

- Nghiên cứu và áp dụng thành công sản phẩm màng mỏng PVC làm áo đi mưa đạt tiêu chuẩn RoHS-2 không độc hại cho người sử dụng, và thân thiện với môi trường.
- Nghiên cứu, áp dụng thành công sản phẩm giả da PVC sử dụng cho sofa, túi xách, giầy dép, bọc yên xe oto... đạt tiêu chuẩn Reach, CA Prop 65 xuất qua thị trường Mỹ, Châu Âu.
- Sản xuất thành công sản phẩm vải không dệt (dùng trong y tế) xuất sang Mỹ đạt ISO 13485.

**Về công nghệ**

- Cải tiến chuyển đổi keo ghép cho các sản phẩm túi Showa và CJ Food, nhờ đó giúp tiết giảm giá thành.
- Cải tiến chuyển đổi công thức thổi màng LLDPE từ trong sang đục, giảm in lót trắng giúp tiết kiệm chi phí trong sản xuất, tiết giảm giá thành.
- Đưa trạm dung môi trung tâm vào hoạt động, tự pha dung môi, giúp tiết kiệm chi phí.
- Nghiên cứu và đưa vào sản xuất thành công hơn 15 loại nguyên liệu mới có giá cạnh tranh.

**Về thiết bị**

- Vận hành máy cán 2500, 4300 phục vụ sản xuất.
- Cải tiến khuôn dập màng PE gown.
- Lắp đặt máy sản xuất PVC compound trong điều kiện không có chuyên gia của nhà sản xuất, đưa vào sản xuất đúng tiến độ.
- Lắp đặt, vận hành hệ máy sản xuất túi rác dùng tiến độ.
- Lắp đặt hệ máy sản xuất túi zipper (4 máy) đưa máy vào sản xuất đúng tiến độ. Đã và đang sản xuất các đơn hàng túi zipper.
- Đã lắp đặt xong hệ Solar 1.1MW.

## KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Tập đoàn năm 2020 giảm nhẹ so với năm 2019. Tuy nhiên, vẫn đảm bảo trả nợ được các khoản nợ phải trả
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,08	1,10	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,02	0,74	

## CƠ CẤU VỐN

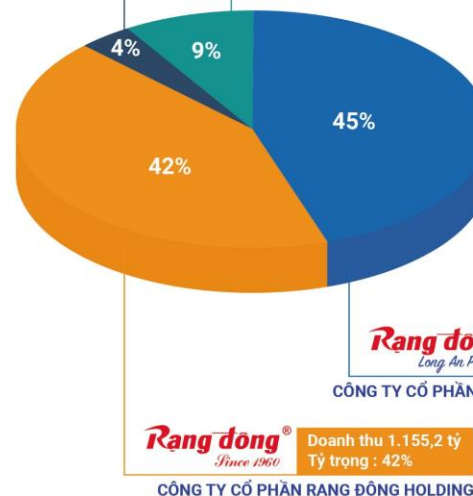
Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			Hệ số nợ năm 2020 của Tập đoàn tăng so với 2019, công ty đang lên kế hoạch tăng vốn để gia tăng giá trị nội tại và phát triển
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,79	0,71	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	3,66	2,48	

## NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho năm 2020 tăng nhẹ so với 2019 luôn đảm bảo dự trữ hàng cho xuất bán. Tuy nhiên, cũng là yếu tố tăng giá trị vốn của công ty tại kho
+ Vòng quay hàng tồn kho:	5,1	4,61	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản:	1,23	0,88	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			

## KHẢ NĂNG SINH LỜI

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			Chỉ tiêu về khả năng sinh lời của năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019 do diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh, cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ cạnh tranh để gia tăng thị phần
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,1	3,5	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,8	10,7	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,15	3,09	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,25	4,25	





**CỔ PHẦN**

Vốn điều lệ của Tập đoàn	<b>410.699.210.000 VND</b>
Tổng số cổ phần	<b>41.069.921</b> cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	<b>41.043.697</b> cổ phần
Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	<b>26.224</b> cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	<b>phổ thông</b>
Mệnh giá 1 cổ phiếu	<b>10.000 VND</b>

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	% vốn điều lệ
Tổng số cổ đông	1.196	41.069.921	100%
Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng	1.196	41.069.921	100%
Cổ đông lớn, nhỏ	1.196	41.069.921	100%
* Cổ đông lớn	1	26.348.420	64,15%
* Cổ đông nhỏ	1.195	14.721.501	35,85%
Cổ đông trong nước	1.169	40.790.659	99,32%
* Tổ chức	29	122.839	0,30%
* Cá nhân	1.140	40.667.820	99,02%
Cổ đông nước ngoài	27	279.262	0,68 %
* Tổ chức	6	100.777	0,25%
* Cá nhân	21	178.485	0,43%

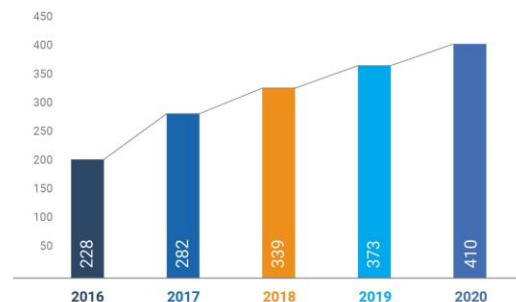
**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: TRONG NĂM, KHÔNG PHÁT SINH GIAO DỊCH.**

**CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: TRONG NĂM, KHÔNG PHÁT SINH GIAO DỊCH.**

**TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ**

Nội dung	ĐVT	Thời gian phát hành	Giá trị phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành
Vốn Điều lệ đầu năm 2016	Đồng		156.921.140.000	156.921.140.000
Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu thưởng và ESOP	Đồng	Tháng 01/2016	24.417.270.000	181.338.410.000
Tăng vốn từ việc chào bán cổ phiếu ra công chúng	Đồng	Tháng 10/2016	47.148.000.000	228.486.410.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu	Đồng	Tháng 02/2017	54.374.350.000	282.860.760.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2017 bằng cổ phiếu	Đồng	Tháng 10/2018	56.567.860.000	339.428.620.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu	Đồng	Tháng 12/2019	33.938.540.000	373.367.160.000
Tăng vốn từ việc chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu	Đồng	Tháng 12/2020	37.332.050.000	410.699.210.000

**VỐN ĐIỀU LỆ**  
(ĐVT : Tỷ VNĐ)



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp, sản sinh ra từ hoạt động sản xuất là hơi nước, CO2, CH4, N2O, O3, các khí CFC, nguồn phát thải chủ yếu do nguồn điện và dầu nóng, dầu DO.



#### Biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Khi các nguồn nguyên liệu tự nhiên cạn kiệt, thì các nguồn năng lượng tái tạo được tăng cường nghiên cứu sử dụng. Việt Nam là quốc gia có cường độ bức xạ mặt trời tương đối cao, do vậy mà năng lượng mặt trời được coi là một giải pháp năng lượng sạch, vô hạn, và phù hợp.

- Nhận thức được tầm quan trọng của quang điện, Nhựa Rạng Đông đã ứng dụng công nghệ điện mặt trời, và đưa vào vận hành COD từ năm 2019 với công suất thiết kế 4,2MWP và đã được cấp chứng chỉ năng lượng xanh sạch (INDEFOL SOLAR) cho đơn vị thành viên (RLP) tại Long An. Tiếp đó, đã lắp đặt và vận hành tại Củ Chi (RDF) vào cuối năm 2020 với công suất thiết kế 1,1MWP (cũng đã được cấp chứng chỉ INDEFOL SOLAR). Tiêu thụ điện từ năng lượng mặt trời năm qua chiếm tỷ trọng hơn 23% tổng sản lượng điện tiêu thụ của Tập đoàn.

- Các hệ thống máy xử lý khí thải được đưa vào vận hành sử dụng cho 85% máy móc trọng điểm, máy hấp xốp và tráng, hồ vải, cụm 04 máy cán, và dầu nhiệt.

- Quan trắc môi trường được thực hiện với tần suất 1 năm/ 1 lần để kiểm tra thường xuyên thực trạng phát thải, và được bố trí phòng ban, nhân sự có chuyên môn đảm trách.

### HOẠT ĐỘNG TÁI SẢN XUẤT NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Tái sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ là mục tiêu trọng tâm của hành động bảo vệ môi trường, và tiết giảm chi phí trong sản xuất. Đây là hoạt động thật sự không chỉ mang lại lợi ích lớn về mặt kinh tế cho doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa lâu dài cho môi trường.

Năm qua, tỷ lệ tái chế phế liệu đạt 1.721,5 tấn, gia tăng 29% so năm 2019.

Nguyên vật liệu	ĐVT	PHẾ LIỆU TÁI CHẾ		
		Số lượng tái chế 2019	Số lượng tái chế 2020	Tỷ lệ %
Phế liệu N1, N2 (khu vực cán)	tấn	426,7	493,7	115,7
Phế liệu N3, N4 (khu vực cán)	tấn	44,4	69,5	156,4
Phế liệu tole, ván nhựa	tấn	456,6	545,5	119,5
Phế liệu N25, N27 (màng PE-EVA)	tấn	121,0	178,0	147,1
Dung môi thu hồi	tấn	24,2	41,3	170,4
Khu vực thổi PE (hạt tái sinh PE)	tấn	260,9	393,5	150,9
<b>CỘNG</b>		<b>1.333,8</b>	<b>1.721,5</b>	<b>129</b>

#### Giải pháp xử lý phế liệu

- Áp dụng mô hình 3B trong sản xuất, gồm 3 bước:

- Bước 1: Quay vòng tái chế 25% tổng phế liệu phát sinh;
- Bước 2: Thu hồi những phế liệu có thể sử dụng lại trong sản xuất;
- Bước 3: Chuyển những phế liệu, dung môi khó xử lý cho đơn vị xử lý môi trường bên ngoài.

- Áp dụng Kaizen đột phá trong sản xuất đưa phế liệu vào quay vòng hiệu quả. Nhờ đó đã góp phần nâng mức xử lý năm 2020 hiệu quả quay vòng trung bình 147% trong khi 2019 mới ở mức 129%.

- Việc đầu tư các MMTB hiện đại (Hệ thống Scada cabin tự động cho máy Cán C3, HT hút NL: PVC, CACO3 tự động, hệ thống làm lạnh trung tâm: Chiller smart, Cooling Tower, hệ thống tháp thu hồi DOP...) đã giúp tăng cường hiệu quả sử dụng NVL, giảm phế liệu phát sinh.

- Triển khai quay vòng phế liệu tái chế ngay tại nguồn phát sinh.

- Đào tạo nâng cao nhận thức của người lao động trong việc tái chế phế liệu, xem đây là giải pháp nhằm gia tăng thu nhập, bảo vệ môi trường sống đến người lao động.





## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Tổng sản lượng điện tiêu thụ 2020 tại các Nhà máy thuộc Tập đoàn là 24.400.005 Kwh, trong đó, riêng RLP tiêu thụ 15.588.005 Kwh.
- Điểm nổi bật là năm 2020, tại các nhà máy thuộc RLP, sản lượng điện tiêu thụ từ năng lượng điện mặt trời (thay vì sử dụng điện EVN) là 3.727.805 Kwh, chiếm tỷ trọng hơn 23% tổng sản lượng điện tiêu thụ; tại nhà máy Củ Chi (RDF), tuy hệ thống năng lượng điện mặt trời mới được lắp ráp vào cuối năm 2020, cũng đã sử dụng 19.500 Kwh chiếm tỷ trọng 0.22% tổng sản lượng điện của nhà máy.

Năng lượng tiết kiệm là kết quả của sự triển khai đồng bộ, và phối kết hợp sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả, như

- Thành lập Ban Năng lượng, lập mục tiêu hành động và giám sát thực hiện, với chế độ thưởng phạt công minh;
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, triệt để tránh giờ cao điểm, tận dụng tối đa giờ thấp điểm.
- Thiết bị sản xuất luôn được theo dõi, bảo trì, bảo dưỡng nhằm giúp vận hành tối ưu.
- Thường xuyên thực hành 5S, KAIZEN
- Đẩy mạnh công tác vận hành COD hệ thống năng lượng mặt trời, và áp dụng các đề tài tiết kiệm năng lượng (TKNL) cho toàn công ty nhằm vận hành tối ưu thiết bị, kết hợp với công tác cải tiến cơ điện.



## Kết quả đạt được

- Tổng sản lượng điện sử dụng từ năng lượng điện mặt trời (thay cho điện từ EVN) là

**3.747.305** Kwh

- Triển khai 04 đề tài TKNL có giá trị làm lợi xấp xỉ 1,2 tỉ/ 1 năm. Cụ thể TKNL cho tháp giải nhiệt và trạm bơm nước thường nước lạnh, và trạm khí nén và đóng mở van tổng hệ thống phụ trợ nước kỹ nên cho các nhà máy trong hệ thống.



## TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn nước cấp của toàn nhà máy được đầu nối trực tiếp từ hệ thống cấp nước do KCN Tân Đô Long An cung cấp (RLP), và Công ty Cấp nước Củ Chi cấp (RDF).

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

- Hệ thống nước hiện dụng của Tập đoàn là hệ thống nước trung tâm và vận hành tuần hoàn, được xem là hệ thống tối ưu về sử dụng nước. Do vậy, lượng nước thất thoát được kiểm soát khá tốt, với thể tích bốc hơi và rò rỉ dưới 4m<sup>3</sup>/ngày tại khu vực Nhà máy Long An, và trên 1m<sup>3</sup>/ngày tại Nhà máy Củ Chi.



## TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tập đoàn luôn nghiêm túc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, thể hiện qua các hoạt động & kết quả:

- Duy trì hiệu lực chứng nhận ISO 14001: 2015 (Hệ thống quản lý môi trường - Các yêu cầu & hướng dẫn sử dụng).
- Tổ chức trang bị các thùng chứa, xe chứa để phân loại rác tại nguồn theo từng đơn vị nhỏ.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn việc phân loại rác tại nguồn, 5S, bảo vệ môi trường lao động cho tất cả CBNV.
- Xây dựng nhà chứa rác sinh hoạt, rác nguy hại & rác công nghiệp để quản lý rác thải tập trung.
- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý rác thải nguy hại, rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp & phối hợp giao nhận xử lý hàng tuần, hàng tháng.

- Ký hợp đồng với đơn vị đo quan trắc môi trường & lập báo cáo định kỳ hàng quý.
- Ký hợp đồng với đơn vị đo quan trắc môi trường lao động & đo đạc các chỉ tiêu trong toàn công ty.
- Hệ thống nước thải được thu gom xử lý đạt loại A & ký Hợp đồng xả thải với BQL Khu công nghiệp.
- Trên 80% diện tích mái nhà xưởng được hợp tác lắp đặt hệ thống Pin năng lượng mặt trời.
- Xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát công tác HSE nhiều cấp.
- Tuân thủ triệt để mọi quy định hiện hành của Nhà nước, cũng như các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế.

## PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Dựa trên tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển bền vững, Tập đoàn đã xây dựng bộ máy nhân sự theo định hướng tinh gọn, hiệu quả, bồi đắp và phát triển năng lực CB-NV, đảm bảo nền tảng vững chắc cho nhu cầu phát triển của tổ chức. Bằng các chính sách đãi ngộ nhân sự phù hợp và cạnh tranh, cùng với việc duy trì và phát triển văn hóa doanh nghiệp, Rạng Đông đã trở thành môi trường làm việc hấp dẫn, gắn kết, thu hút nhân tài, tạo nên một đội ngũ nhân sự vững vàng và năng lực.

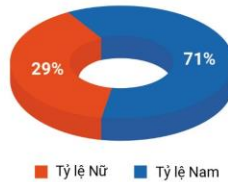
### Số lượng lao động 3 năm (2018-2019-2020)

Năm	ĐVT	2018	2019	2020
Tổng lao động	Người	658	659	656
Tỷ lệ Nam	%	70	73	71
Tỷ lệ Nữ	%	30	27	29

### TỔNG SỐ LAO ĐỘNG (tính đến 31/12/2020)

# 656

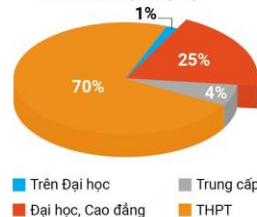
CƠ CẤU LAO ĐỘNG NĂM 2020



Bất chấp khó khăn của dịch bệnh, nguồn nhân lực chủ chốt của Tập đoàn năm qua tiếp tục được duy trì ổn định với tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học ngày càng được nâng cao về số lượng, lẫn chất lượng, chiếm tỷ lệ cao, đạt 26%, tương ứng 170 người.

Năm	Tỷ lệ
Trên Đại học	1%
Đại học, Cao đẳng	25%
Trung cấp	4%
THPT	70%

CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ NGHIỆP VỤ



Tỷ lệ lao động trẻ tiếp tục được duy trì trong những năm gần đây, trong đó, lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 45%, phù hợp với đặc thù ngành. Tỷ lệ lao động trên 40 tuổi đã giảm bớt đáng kể với công ty chiếm 16%.

Cơ cấu độ tuổi	Tỷ lệ
Dưới 30 tuổi	45%
Trên 40 tuổi	16%
Khác	39%

CƠ CẤU ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG



### Chế độ phúc lợi, đãi ngộ cho CB-NV

- Tặng quà ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 cho CB-NV nữ.
- Tặng quà ngày thiếu nhi (01/06), Trung Thu.
- Tặng quà và hỗ trợ cho CB-NV nhân các dịp hiếu hỉ, sinh nhật, ốm đau, sinh con, lễ, Tết.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo

- quy định như BH xã hội, BH y tế, BH thất nghiệp cho toàn bộ người lao động.
- Duy trì các loại hình bảo hiểm không bắt buộc như BH tai nạn 24/24, BH sức khỏe toàn diện cho đối tượng là cán bộ quản lý của Công ty.
- Thưởng theo doanh số, hiệu quả công việc.

### An toàn và sức khỏe của người lao động

- Tập đoàn luôn quan tâm cải tiến môi trường làm việc và điều kiện an toàn cho nhân viên, đồng thời tuân thủ các quy định pháp luật về bảo hộ lao động, bảo vệ sức khỏe của nhân viên và bảo vệ môi trường của cộng đồng, đặc biệt đối với lực lượng công nhân làm việc tại các Nhà máy trực thuộc.
- Các chính sách đảm bảo an toàn lao động, an toàn sức khỏe và bệnh nghề nghiệp bao gồm:
- Hướng dẫn, tập huấn các biện pháp an toàn lao động;
  - Cấp quần áo, trang thiết bị bảo hộ lao động;

- Kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm;
- Phòng ngừa và loại trừ những nguy cơ đe dọa tính mạng, sức khỏe của người lao động;
- Không sử dụng lao động nữ đang mang thai, hoặc nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi làm đêm hoặc làm thêm giờ; không sử dụng lao động nữ làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Nhân viên được bố trí ăn theo ca, ăn giữa ca nhằm đảm bảo sức khỏe, bảo đảm năng lượng tái tạo sức lao động. Nhà ăn đảm bảo tiêu chuẩn, thực hiện kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn (tuần thủ Quyết định 4128/2001 của Bộ Y tế).

### Huấn luyện - Đào tạo

Con người luôn là yếu tố then chốt quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác đào tạo-huấn luyện, nên Ban lãnh đạo Tập đoàn đã quan tâm chỉ đạo sâu sát và có nhiều chế độ ưu đãi, phương thức đào tạo mới tạo cơ hội học tập cho tất cả CB-NV, với mục tiêu đảm bảo nguồn nhân lực có kỹ năng và trình độ chuyên môn, và liên tục được cập nhật kiến thức mới đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chế độ Đào tạo phù hợp đã giúp nâng cao chất lượng thực hiện công việc và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của Tập đoàn. Dựa trên định hướng chiến lược phát triển bền vững, Tập đoàn đã ký kết Hợp đồng đào tạo dài

hạn với Trường đào tạo Doanh Nhân PTI nhằm chủ động kế hoạch đào tạo, nâng cao kiến thức cho đội ngũ CBCC và lực lượng trẻ kế thừa. Chế độ Đào tạo phù hợp đã giúp nâng cao chất lượng thực hiện công việc và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của Tập đoàn. Bên cạnh đó, để xây dựng, phát triển và duy trì nguồn nhân lực chất lượng, Tập đoàn đã xây dựng hệ thống quản lý kết quả công việc, khung chương trình đánh giá năng lực và xây dựng đội ngũ kế thừa, kế hoạch phát triển cá nhân nhằm mục đích phát triển đội ngũ nhân viên vững mạnh, chủ động trong việc hoạch định nguồn lực, gia tăng sự gắn bó và cam kết lâu dài với tổ chức.

### Nội dung đào tạo tập trung vào các lĩnh vực

- Đào tạo cán bộ quản lý cấp cao (CHRO, CCO, CPO; Đào tạo kiến thức quản lý cho GD NM);
- Quản lý cấp trung (Quản lý/ Quản đốc sản xuất; Trưởng phòng kinh doanh;
- Quản trị nhân sự chuyên nghiệp, nâng cao

- năng lực quản lý cấp trung;
- Và các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ (HSE-Basic; Customer Handling; Quản lý kho, lái xe nâng...) cho anh chị em nhân viên văn phòng, và công nhân các nhà máy.

### Kết quả huấn luyện đào tạo năm 2020:

Tiêu chí	Số khóa	Số lượng (người)	So kế hoạch 2020	So thực hiện 2019
Đào tạo nội bộ (in-house training)	92	1.309	106%	95%
Đào tạo ngoài (outsourcing training)	20	50	100%	156%



Tập đoàn Nhựa Rạng Đông kỳ vọng những giá trị nhân văn của công ty sẽ được lan tỏa không chỉ trong nội bộ doanh nghiệp mà còn nhận được sự khích lệ và hưởng ứng ngày càng mạnh mẽ trong cộng đồng xã hội, tạo thành sự phát triển bền vững trong tương lai.



Hàng năm, công ty đều xem xét, đánh giá lại các nguyên tắc thực hành "Phát triển bền vững" tại Văn phòng công ty, các nhà máy, các công ty thành viên.

Nội dung báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo Thường niên là một phần quan trọng nhằm công bố các thông tin về

chiến lược phát triển bền vững, đánh giá các tác động, rủi ro và cơ hội kinh doanh liên quan đến môi trường, xã hội.

Báo cáo giúp các Nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ở khía cạnh phát triển bền vững.



**PHẠM VI BÁO CÁO**

Báo cáo được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Holding, Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An, Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare, Công ty Cổ phần Rạng Đông Films, Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông.

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2020 bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 31/12/2020.

Các báo cáo về hoạt động an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động chính được thực hiện tại đơn vị thành viên và các nhà máy trực thuộc. Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2020, đồng thời cũng đề cập đến định hướng và mục tiêu trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững.

**CÁCH THỨC XÂY DỰNG BÁO CÁO**

Báo cáo được lập dựa trên tài liệu CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với UNESCO phát hành, xác định các lĩnh vực trọng yếu tác động đến các bên liên quan.

**THÔNG TIN LIÊN HỆ**

Hơn 60 năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nhựa, công ty hiểu rõ những giá trị của chính sách phát triển bền vững. Chúng tôi nỗ lực không ngừng để thông điệp "Phát triển bền vững" trở thành Chiến lược phát triển, đồng thời thông điệp được lan truyền và hưởng ứng ngày càng mạnh mẽ.

Vi vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành của Quý vị.

Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc vui lòng liên hệ:

**Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Holding**  
 Địa chỉ: 190 Lạc Long Quân, P. 3, Q.11, Tp.HCM  
 ĐT: (028) 3969 2272



TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

**Rạng đông**<sup>®</sup>  
Since 1960  
**CÔNG TY CỔ PHẦN  
RẠNG ĐÔNG HOLDING**



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

KHÍA CẠNH	LĨNH VỰC	
Tăng trưởng kinh tế	Tăng trưởng kinh tế & việc làm bền vững Công nghiệp, sáng tạo & hạ tầng	 
Trách nhiệm xã hội	Xóa nghèo Giáo dục chất lượng Thành phố & cộng đồng bền vững	  
Bảo vệ môi trường	Nước sạch & vệ sinh Năng lượng sạch & giá cả hợp lý	 



**TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ**

CÁC BÊN LIÊN QUAN	HÀNH ĐỘNG CỦA CÔNG TY	NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠT ĐƯỢC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ đông/ Nhà đầu tư</li> <li>- Đối tác / khách hàng</li> <li>- Người lao động</li> <li>- Người tiêu dùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển đổi mô hình hoạt động sang Holdings, các công ty con hoạt động độc lập, trở thành chuỗi liên kết liên doanh hỗ trợ lẫn nhau, giúp công ty mở rộng thị trường trong &amp; ngoài nước</li> <li>- Thúc đẩy nghiên cứu phát triển sp mới.</li> <li>- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất</li> <li>- Đầu tư máy móc thiết bị</li> <li>- Đầu tư cho hệ thống lạnh trung tâm</li> <li>- Tăng cường các hoạt động đánh giá với các đối tác quốc tế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu xuất khẩu + 20%</li> <li>- Mở rộng thị phần xuất khẩu +5%</li> <li>- 2 đề tài cấp bộ được nghiệm thu, ứng dụng thành công 6 sản phẩm mới từ 2 đề tài trên</li> <li>- Tạo thêm +100 việc làm mới</li> <li>- Môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn Nhật.</li> </ul>



**TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI**

CÁC BÊN LIÊN QUAN	HÀNH ĐỘNG CỦA CÔNG TY	NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠT ĐƯỢC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cộng đồng xã hội</li> <li>- Cơ quan Nhà nước</li> <li>- Người lao động</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công ty luôn tuân thủ các quy định kê khai thuế, nộp thuế. Qua đó, tái phân bổ một phần lợi ích lại xã hội</li> <li>- Đồng hành cùng các hoạt động công đồng ý nghĩa, cam kết chặt chẽ sự phát triển bền vững, thịnh vượng chung của toàn xã hội.</li> <li>- Xây dựng nguồn lực có trình độ chuyên môn cao, có thái độ, động cơ làm việc tích cực, hoàn thành sứ mệnh và giá trị của cty;</li> <li>- Đảm bảo các chế độ lương thưởng phúc lợi đối với người lao động;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng góp Ngân sách NN</li> <li>- 2.2 tỉ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng tại Long An, chương trình cầu Nông thôn Việt</li> <li>- Đảm bảo thu nhập người lao động +8.5 triệu, cùng các phúc lợi khác</li> <li>- Mở 74 lớp đào tạo, nâng cao trình độ, chuyên môn cho 450 lao động, giúp gia tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị lao động trong tương lai</li> </ul>



**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

CÁC BÊN LIÊN QUAN	HÀNH ĐỘNG CỦA CÔNG TY	NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠT ĐƯỢC
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cộng đồng xã hội</li> <li>- Người lao động</li> <li>- Người tiêu dùng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường trong sản xuất, tái sử dụng nguyên liệu.</li> <li>- Dự án điện mặt trời áp mái: công suất 4,5 MW</li> <li>- Nâng cao ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường đối với toàn thể nhân viên, tư vấn và hướng khách hàng đến việc sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng trạm xử lý nước thải đạt công suất 100 m3/ ngày.</li> <li>- Đầu tư hệ thống cấp nhiệt đạt 4.000.000 Kcal, thay thế toàn bộ lò dầu đốt củi, đốt dầu DO</li> <li>- Áp dụng mô hình 3B trong quá trình xử lý phế liệu phát sinh</li> <li>- Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ.</li> <li>- Không xảy ra vi phạm luật pháp về bảo vệ môi trường.</li> </ul>



## 03 - HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN TGD

Hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi hoạt động khác của Công ty, kể cả công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) đều nằm dưới sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị (HĐQT).

Trong năm 2020, HĐQT tập trung chỉ đạo và giám sát hoạt động điều hành của Ban TGD trong việc thực thi triển khai các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) một cách toàn diện trên các mặt: đầu tư, tài chính, thị trường, bán hàng, nguồn nhân lực, sản xuất, chất lượng...

Nhìn tổng thể, các cấp quản lý đã nỗ lực, sáng tạo và chủ động công việc nhằm đạt được những kế hoạch do ĐHĐCĐ, và HĐQT đề ra.



### MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020

- Xem xét, phê duyệt các Báo cáo Tình hình quản trị năm 2019, Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán; Báo cáo thường niên năm 2019. Đồng thời chỉ đạo sát sao việc thực hiện Báo cáo Tình hình quản trị năm 2020, Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2020, và Báo cáo Thường niên 2020 đúng tiến độ luật định.
- Xem xét báo cáo từ Ban TGD, và phê duyệt Phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Rạng Đông Films và Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông vào Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding.
- Xem xét, và thông qua các nội dung quan trọng liên quan công tác quản trị và nhân sự: Sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự cấp cao, điều chuyển về các vị trí chủ chốt giúp cho việc điều hành và quản lý tại các công ty thành viên.
- Xem xét, và thông qua các nội dung quan trọng liên quan công tác kinh doanh, và điều hành: Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020; Kế hoạch vay vốn năm 2020;
- Phân tích, đánh giá và chỉ đạo Phương án đầu tư cho Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare; Triển khai và giám sát tiến độ thi công Nhà máy Rạng Đông Healthcare tại Khu CN Tân Đô, Long An; Dự án đầu tư tại khu đất số 9, đường Phan Bội Châu, Phường Quán Bàu, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An; Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng, nhà ở tại hai khu đất 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh và 60/2 Quang Trung, Thị trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ : THAM DỰ CÁC CUỘC HỌP TRONG NĂM 2020

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hồ Đức Lam	20/20	100%	
2	Ông Hồ Đức Dũng	20/20	100%	
3	Bà Lê Thị Thanh Thủy	20/20	100%	
4	Ông Trần Trọng Triệu	14/20	70%	Không còn là thành viên HĐQT từ ngày 06/06/2020
5	Ông Nguyễn Trọng Bình	14/20	70%	Không còn là thành viên HĐQT từ ngày 06/06/2020
6	Ông Hồ Văn Tuyên	06/20	30%	Bắt đầu là thành viên HĐQT từ ngày 06/06/2020
7	Ông Nguyễn Trần Vinh	06/20	30%	Bắt đầu là thành viên HĐQT từ ngày 06/06/2020



**Ông**  
**HỒ ĐỨC LAM**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị  
Chủ tịch Hiệp Hội Nhựa Việt Nam

**1981 - 1984:**  
Công nhân điện  
Nhà máy Diêm Hòa Bình

**1985 - 12/2005:**  
Công nhân điện  
XN Nguyên liệu giấy

Trưởng phòng kỹ thuật  
Công ty CP Nhựa Rạng Đông

Phó TGĐ  
Công ty CP Nhựa Rạng Đông

**1/2006 đến 2018:**  
Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông

**2019 đến nay:**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding



**Ông**  
**HỒ ĐỨC DŨNG**  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

**2009 - 2014:**  
Giám Đốc  
Cty TNHH MTV SXTM & DV Hồ Đức

**2014 - 2016:**  
Giám đốc Cung Ứng Vật Tư  
Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông

**2017:**  
Phó Tổng Giám Đốc Điều Hành  
Cty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An

**2019**  
Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare

**2020 đến nay:**  
Tổng Giám Đốc  
Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding



**Bà**  
**LÊ THỊ THANH THỦY**  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

**1996 - 2000:**  
Chăm sóc khách hàng  
Cty TNHH TMCP ĐT-KD  
BDS City View Apartment

**2000 - 2005:**  
Trợ lý Giám đốc  
VPĐD Hyosung Vina

**2005 - 2007:**  
Thư ký Giám đốc  
Equatorial Hotel

**2007 - 2015:**  
Trợ lý Chủ tịch HĐQT  
Cty CPĐT & PTCN Mỹ Việt

**2015 đến nay:**  
Trợ lý Tổng Giám Đốc  
Cty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An

**Tháng 12/2017:**  
Người phụ trách quản trị Công ty



**Ông**  
**HỒ VĂN TUYÊN**  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị  
Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán

**1996 - 2005:**  
Trưởng phòng Phân tích Tài chính  
Công ty TNHH NGK Coca Cola Việt Nam

**2005 - 2007:**  
Trưởng phòng Tài chính  
Công ty Cổ phần Greenfeed Việt Nam

**2007 - 2008:**  
Giám đốc Tài chính (CFO)  
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại  
Xuất nhập khẩu Viễn Thông A

**2008 - 2012:**  
Phó Tổng giám đốc  
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn MêKong

**2012 - 2013:**  
Giám đốc Tài chính (CFO)  
Công ty CP Tập đoàn Trung Nguyên Coffee

**2013 - 2014**  
Giám đốc Tài chính (CFO) & Cố vấn  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh

**2014 - nay**  
Chủ tịch - Kiểm Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư RIM



**Ông**  
**NGUYỄN TRẦN VINH**  
Thành Viên Hội Đồng Quản Trị  
Thành viên Ủy Ban Kiểm toán

**2001-2005:**  
CV phân tích Tài chính  
Công ty TNHH NGK Coca Cola  
Việt Nam

**2005-2007:**  
Giám sát bộ phận Tài chính  
Công ty Cổ phần Greenfeed  
Việt Nam

**2008-2013:**  
Trưởng phòng Tài chính  
Công ty Cổ phần Sản xuất  
Thương Mại Xuất nhập khẩu  
Viễn Thông A

**2013 - 2014:**  
Trưởng phòng Tài chính  
& Phân tích  
Công ty Cổ phần Tập đoàn  
Trung Nguyên

**2014 đến nay:**  
Giám đốc điều hành  
Công ty Cổ phần Đầu tư RIM



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị đã đề ra chương trình hoạt động hàng quý với nội dung rõ ràng, cụ thể, được triển khai, bàn thảo đến các thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, làm việc hiệu quả, và đã thực hiện đầy đủ và đúng đắn quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị doanh nghiệp và Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Tập trung thực hiện nhiệm vụ nghiêm túc, trách nhiệm, hiệu quả, trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức ĐHĐ CĐ thường niên, và thông qua ĐHĐ CĐ đã thông qua 23 nội dung quan trọng liên quan hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển của Tập đoàn. Tiếp đó đã báo cáo và thông qua ĐHĐ CĐ 5 nội dung liên quan việc phát hành cổ phiếu, Phương án tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị thành viên, và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Cụ thể là :

Stt	Số Nghị quyết/	Ngày	Nội dung
1	163/NQ-ĐHĐCĐ/2020	06/06/2020	<p><b>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua 23 nội dung, cụ thể như sau:</b></p> <p>Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019.</p> <p>Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2019.</p> <p>Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ năm 2019.</p> <p>Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.</p> <p>Thông qua Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2019.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính cho niên độ 2020.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc thù lao HĐQT và trích quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2020.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc tỷ lệ chia cổ tức năm 2019.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc tăng vốn điều lệ Công ty.</p> <p>Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.</p>

Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Công ty.

Thông qua Tờ trình về việc kế hoạch vay vốn năm 2020.

Thông qua Tờ trình về việc lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại, dịch vụ, văn phòng, nhà ở tại hai khu đất 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh và 60/2 Quang Trung, Thị trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

Thông qua Tờ trình về việc phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An.

Thông qua Tờ trình về việc phương án đầu tư cho Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare.

Thông qua Tờ trình về việc phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2020 (ESOP).

Thông qua Tờ trình về việc phát hành thêm cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.

Thông qua Tờ trình về việc lập và thực hiện dự án đầu tư tại khu đất số 9, đường Phan Bội Châu, Phường Quán Bàu, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Thông qua Tờ trình về việc thanh lý tài sản: đất đai, nhà xưởng, máy móc thiết bị,...

Thông qua Danh sách trúng cử Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding nhiệm kỳ 2018-2023.

**Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 thông qua 5 nội dung, cụ thể như sau:**

Thông qua Tờ trình về việc Thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty.

Thông qua Tờ trình về việc Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Thông qua Tờ trình về việc Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Thông qua Tờ trình về việc Phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Rạng Đông Films và Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông vào Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding.

Thông qua Tờ trình về việc Sửa đổi Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Nhằm cụ thể hóa các nội dung đã được ĐHQĐ CĐ về định hướng phát triển của doanh nghiệp, năm 2020, HĐQT đã triển khai các Nghị quyết/ Quyết định như sau:

Stt	Số Nghị quyết/	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	04/02/2020	Chuyển nhượng một phần cổ phần của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding tại Công ty Cổ phần Tiếp vận Song Dũng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Hồ Đức.	100%
2	02/NQ-HĐQT	07/02/2020	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 04/04/2020.	100%
3	03/NQ-HĐQT	24/03/2020	Xin được gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đến ngày 30/06/2020.	100%
4	04/NQ-HĐQT	31/03/2020	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare.	100%
5	05/NQ-HĐQT	06/04/2020	Hủy Công bố thông tin số 74/CV-RDP ngày 31/03/2020.	100%
6	06/NQ-HĐQT	15/05/2020	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 06/06/2020.	100%
7	07/NQ-HĐQT	20/05/2020	Miễn nhiệm, bổ nhiệm tạm thời Thành viên HĐQT.	100%
8	08/NQ-HĐQT	21/05/2020	Lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng, nhà ở.	100%
9	09/NQ-HĐQT	22/05/2020	Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi cho Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An và Phương án đầu tư cho Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare.	100%
10	10/NQ-HĐQT	23/05/2020	Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2020 (ESOP).	100%
11	11/NQ-HĐQT	24/05/2020	Phát hành thêm cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu.	100%
12	12/NQ-HĐQT	25/05/2020	Lập và thực hiện dự án đầu tư tại khu đất số 9, đường Phan Bội Châu, Phường Quán Bàu, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An – Thanh lý tài sản: đất đai, nhà xưởng, máy móc thiết bị...	100%

13	13/NQ-HĐQT	01/06/2020	Miễn nhiệm, đề cử ứng cử viên Thành viên HĐQT.	100%
14	14/QĐ-HĐQT	12/06/2020	Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty.	100%
15	15/QĐ-HĐQT	12/06/2020	Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty.	100%
16	16/QĐ-HĐQT	17/06/2020	Hoạt động trở lại Chi nhánh Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding tại Nghệ An.	100%
17	17/NQ-HĐQT	29/06/2020	Chọn Công ty TNHH DV TV TCKT và KT Nam Việt (AASCN) là đơn vị kiểm toán BCTC niên độ 2020.	100%
18	18/NQ-HĐQT	30/06/2020	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare.	100%
19	19/NQ-HĐQT	20/08/2020	Triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.	100%
20	20/NQ-HĐQT	26/09/2020	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông tại Hà Nội.	100%
21	21/NQ-HĐQT	09/11/2020	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 ngày 30/12/2020.	100%

## HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP, VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Trọng Bình	2/4	50%	100%	Không còn là TV UBKT từ ngày 06/06/2020
2	Ông Nguyễn Xuân Hùng	2/4	50%	100%	Không còn là TV UBKT từ ngày 06/06/2020
3	Ông Hồ Văn Tuyên	2/4	50%	100%	Bắt đầu là TV UBKT từ ngày 06/06/2020
4	Ông Nguyễn Trần Vinh	2/4	50%	100%	Bắt đầu là TV UBKT từ ngày 06/06/2020

## DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

100% thành viên Hội đồng quản trị, và Ban Điều hành đều tham gia các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý.



**THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN**

STT	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Ông Hồ Văn Tuyên	Chủ tịch	0.00 %	
2	Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên	0.00 %	

**HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN**

**Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán (UBKT) đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông**

- UBKT đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định, nghị quyết ĐHQĐ CD, các nội dung luật định trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành (BDH), cụ thể:
  - Giám sát, kiểm tra các công việc về lập Báo cáo tài chính, các hoạt động của kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Kiểm tra và thẩm định Báo cáo sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính của hệ thống Công ty;
  - Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHQĐ CD;
  - Kiểm tra và đánh giá các quy trình của hệ thống Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp;
  - Giám sát việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đối với Công ty mẹ cũng như Công ty con
  - Ban TGD Công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT, thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Giấy phép kinh doanh và đúng pháp luật. Thực hiện phân phối lợi

- nhuận, trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Kiểm tra, giám sát Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị Quý 4 năm 2020, đánh giá kết quả kinh doanh tháng/ quý thực hiện được trong Quý 4 năm 2020 so với kế hoạch;
- Liên tục theo dõi thực hiện các phát hiện và khuyến nghị của Đơn vị kiểm toán Độc lập, kiểm toán nội bộ liên quan đến cải thiện các quy trình nội bộ cũng như các vấn đề tuân thủ;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin của Công ty niêm yết;
- Ban KTNB thực hiện kiểm toán và lập báo cáo đánh giá liên quan đến các quy trình đã thực hiện kiểm toán tại Công ty mẹ và Công ty con;
- Từ ngày 01/11/2020 đến 20/12/2020, Ban KTNB tham gia kiểm tra Quy chế nội bộ quản trị Công ty và Điều lệ Công ty;
- Tư vấn cho BGD trong các dự án Quản trị rủi ro và Hệ thống ERP nhằm đảm bảo hiệu quả của các dự án và tối ưu hóa nguồn lực.
- Giám sát nhằm bảo đảm việc tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

**Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác:**

- HĐQT, Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để UBKT thực hiện nhiệm vụ và luôn có sự phối hợp chặt chẽ, độc lập, khách quan trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.
- UBKT nhận được sự trợ giúp ở tất cả các cấp, các đơn vị trong công ty, và có quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty.

- Trong hoạt động, UBKT thường xuyên trao đổi với các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của mình;
- UBKT có quyền yêu cầu đại diện công ty kiểm toán trả lời các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán;
- UBKT lập báo cáo gửi HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ UBKT**

**Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Thù lao HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Thù lao ỦY BAN KIỂM TOÁN	Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
<b>0 VNĐ</b>	<b>0 VNĐ</b>	<b>1.369.984.000 VNĐ</b>

**Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ**

STT	Giao dịch	Giao dịch	Mua (VNĐ)	Bán (VNĐ)
01	Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding giao dịch Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông Long An	RDP/RLP	416.545.495.223	411.853.601.126
02	Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding giao dịch Công ty Cổ phần Tiếp Vận Song Dững	RDP/Song Dững	1.773.786.106	
03	Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding giao dịch Công ty Cổ phần Rạng Đông Films	RDP/RDF		45.037.985.984
04	Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding giao dịch Công ty Cổ phần Rạng Đông Healthcare	RDP/RDH		868.818.183
05	Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding giao dịch Công ty Cổ phần Trading Rạng Đông	RDP/RLP	92.285.463.096	310.135.826.952

**Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có**

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 34

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### Khái quát

Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding (trước đây là: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đồng đã được đổi lại tên thành Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 03/06/2019), là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Rạng Đồng theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300384357 ngày 28 tháng 03 năm 2005, và các giấy đăng ký doanh nghiệp sửa đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuộc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Sản lập mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mối giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trong yêu cầu xây ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng quản trị

Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Bình	Thành viên (đến ngày 06/06/2020)
Ông Trần Trọng Triệu	Thành viên (đến ngày 06/06/2020)
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên
Ông Hồ Văn Tuyển	Thành viên (từ ngày 06/06/2020)
Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên (từ ngày 06/06/2020)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Hồ Đức Dũng	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/06/2020)
Ông Trần Trọng Triệu	Tổng Giám đốc (đến ngày 16/06/2020)

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Hồ Đức Lam – Chủ tịch Hội đồng Quản trị



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Hồ Đức Lam  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 30 tháng 03 năm 2021



Số: 58-2/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kinh gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Rang Đồng Holding

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Rang Đồng Holding được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Rang Đồng Holding tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Kiểm toán viên



Nguyễn Văn Tinh  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 3919-2017-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.212.067.019.502</b>	<b>1.251.693.034.078</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>26.100.272.786</b>	<b>38.387.950.979</b>
1. Tiền	111		26.100.272.786	38.387.950.979
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.700.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	3.700.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>549.412.005.147</b>	<b>769.618.467.944</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	452.751.465.579	650.327.674.185
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	77.273.567.951	82.625.182.876
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	20.189.265.387	37.917.904.653
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.252.293.770)	(1.252.293.770)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>585.869.360.180</b>	<b>414.510.934.750</b>
1. Hàng tồn kho	141		585.869.360.180	414.510.934.750
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>46.985.381.389</b>	<b>29.175.680.405</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	11.731.447.211	15.536.092.007
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		35.207.376.508	13.315.122.116
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	46.557.670	324.466.282
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>972.727.588.844</b>	<b>1.019.929.536.958</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>16.401.305.322</b>	<b>13.476.855.008</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	16.401.305.322	13.476.855.008
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>717.509.626.217</b>	<b>809.185.170.042</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	590.243.053.606	627.669.356.569
- Nguyên giá	222		1.042.110.445.489	1.023.101.723.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(451.867.391.883)	(395.432.367.352)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	105.013.882.982	72.275.263.981
- Nguyên giá	225		134.518.050.400	86.532.046.265
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(29.504.167.418)	(14.256.782.284)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	22.252.689.629	109.240.549.492
- Nguyên giá	228		27.259.132.026	119.500.861.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.006.442.397)	(10.260.312.262)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>41.393.499.691</b>	<b>73.922.619.919</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	41.393.499.691	73.922.619.919
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>127.050.675.189</b>	<b>42.615.327.017</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		127.050.277.269	42.614.929.097
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		397.920	397.920
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>70.372.482.425</b>	<b>80.729.564.972</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	69.010.397.661	79.457.257.284
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	1.362.084.764	1.272.307.688
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.184.794.608.346</b>	<b>2.271.622.571.036</b>

5

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.716.025.228.534</b>	<b>1.618.569.431.214</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.124.810.969.656</b>	<b>1.133.076.781.527</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	250.073.774.089	263.298.784.664
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	15.049.824.823	24.263.231.674
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	8.943.186.311	20.155.701.718
4. Phải trả người lao động	314		11.732.300.994	14.505.792.775
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	7.668.103.132	13.817.628.638
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	28.555.816.179	41.646.098.216
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	802.552.609.650	755.127.189.364
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		235.354.478	262.354.478
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>591.214.258.878</b>	<b>485.492.649.687</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	156.937.500.000	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	2.783.865.258	-
3. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	1.637.412.522	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	429.655.480.830	485.392.760.977
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	-	99.888.710
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>468.769.379.812</b>	<b>653.053.139.822</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.21	<b>468.769.379.812</b>	<b>653.053.139.822</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		410.699.210.000	373.367.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		410.699.210.000	373.367.160.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.638.570.000	25.638.570.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.912.212.955	1.912.212.955
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		68.705.099.697	68.705.099.697
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(106.765.890.422)	45.072.034.981
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.739.984.981	1.827.436.759
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này. (Trong đó:)	421b		(114.505.875.403)	43.244.598.222
+ Lợi nhuận sau thuế năm nay theo kết quả kinh doanh			1.379.173.509	43.244.598.222
+ Lợi nhuận sau thuế năm nay do tăng tỷ lệ sở hữu công ty con			(115.885.048.912)	-
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		68.580.177.582	138.358.062.189
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.184.794.608.346</b>	<b>2.271.622.571.036</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

  
Đỗ Minh Luân

  
Nguyễn Xuân Hùng

  
Hồ Đức Lam

Ngày 30 tháng 03 năm 2021



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.757.291.165.161	2.002.989.144.053
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	12.980.615.506	11.535.226.126
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	2.744.310.549.655	1.991.453.917.927
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	2.549.288.942.428	1.707.704.413.639
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		195.021.607.227	283.749.504.288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	559.732.803	4.150.096.070
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	94.037.101.902	86.311.568.363
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		93.600.289.772	85.546.828.186
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.108.137.938	(1.978.253.518)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	34.026.558.977	39.165.713.693
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	61.880.854.685	75.895.859.044
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.744.962.404	84.548.205.740
12. Thu nhập khác	31	VI.9	5.731.849.847	11.441.480.083
13. Chi phí khác	32	VI.10	3.740.159.723	11.499.052.338
14. Lợi nhuận khác	40		1.991.690.124	(57.572.255)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.736.652.528	84.490.633.485
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	5.725.251.758	18.371.002.335
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.12	(189.665.786)	(3.972.523.929)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.201.066.556	70.092.155.079
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		1.379.173.509	43.244.598.222
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.821.893.047	26.847.556.857
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	34	1.053

1388  
CÔNG TY  
NHẬN  
VỤ TƯ  
KIỂM K  
SAM VI  
TP HCM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

  
Đỗ Minh Luân  
Ngày 30 tháng 03 năm 2021

  
Nguyễn Xuân Hùng

  
Hồ Đức Lam



7

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01	8.736.652.528	84.490.633.485
1. Lợi nhuận trước thuế	02	80.722.430.294	72.652.199.173
2. Điều chỉnh cho các khoản	03	-	(772.714.397)
- Khấu hao tài sản cố định	04	-	(11.144.546.777)
- Các khoản dự phòng	05	(5.679.878.844)	(5.546.828.186)
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	06	93.600.289.772	230.772.399.670
- Chi phí lãi vay	08	177.379.493.750	230.772.399.670
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	09	179.692.932.974	(296.751.907.036)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	10	(171.384.583.202)	(86.550.882.965)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	11	(60.144.946.277)	104.337.019.838
- Tăng, giảm các khoản phải trả	12	14.140.476.183	(16.477.054.419)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	14	(96.023.431.994)	(82.753.017.823)
- Tiền lãi vay đã trả	15	(14.281.725.043)	(5.482.480.344)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	-	250.000.000
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17	(27.000.000)	(4.495.621.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20	29.351.216.391	(157.151.544.079)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	21	(42.984.410.215)	(131.270.609.992)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	22	28.139.229.580	82.638.112.847
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	24	-	17.437.500.000
3. Tiền thu hồi cho vay	25	(18.231.040.151)	(43.393.022.302)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	36.237.000.000	2.143.684.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27	176.920.442	3.021.966.193
6. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	30	(362.300.364)	(69.422.369.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	31	-	30.420.000.000
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu của cổ đông không kiểm soát	33	1.971.288.174.837	1.638.511.397.729
2. Tiền thu từ đi vay	34	(1.978.108.763.015)	(1.393.857.315.865)
3. Tiền trả nợ gốc vay	35	(34.456.006.042)	(32.084.332.802)
4. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	40	(41.276.594.220)	242.989.749.062
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(12.287.678.193)	16.415.835.729
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.387.950.979	21.972.115.250
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	26.100.272.786	38.387.950.979

1388  
CÔNG TY  
NHẬN  
VỤ TƯ  
KIỂM K  
SAM VI  
TP HCM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

  
Đỗ Minh Luân  
Ngày 30 tháng 03 năm 2021

  
Nguyễn Xuân Hùng

  
Hồ Đức Lam



8

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2020

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding (trước đây là: Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đồng đã được đổi lại tên thành Công ty Cổ phần Rạng Đồng Holding theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 03/06/2019), là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nhựa Rạng Đồng theo Quyết định số 157/2004/QĐ-BCN ngày 6 tháng 12 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300384357 ngày 28 tháng 03 năm 2005, và các giấy đăng ký doanh nghiệp sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại: 190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, mua bán hàng nhựa gia dụng, kỹ thuật: màng nhựa, giả da, tôn, ván nhựa, ống nhựa, bao bì in tráng ghép, vật liệu xây dựng, chai nhựa, áo mưa, cặp, túi xách (không: sản xuất vật liệu xây dựng, tái chế phế thải, sản xuất nhựa tổng hợp, thuốc da tại trụ sở). Chế tạo máy móc, thiết bị ngành nhựa (không gia công cơ khí tại trụ sở). Hợp đồng dân dụng, công nghiệp. San lấp mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất ngành nhựa (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Môi giới bất động sản; Kinh doanh nhà. Mua bán hàng gia dụng; Mua bán phế liệu nhựa (không mua bán tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tổng số Công ty con tại ngày 31/12/2020 là : 4 công ty.

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Nhựa Rạng Đồng Long An	KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	85%	85%
Công ty CP Agriculture Rạng Đồng	KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	51%	0%
Công ty CP Trading Rạng Đồng	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Bán buôn chuyên doanh khác	51%	51%
Công ty CP Rạng Đồng Films	63 Võ Văn Bích, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	99,9%	99,9%

9

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Số lượng Công ty con được hợp nhất tại ngày 31/12/2020 là: 3 công ty, các công ty con còn lại không hợp nhất vì các công ty này Công ty chưa góp vốn.

Công ty con được hợp nhất như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Nhựa Rạng Đồng Long An	KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An	Sản xuất sản phẩm từ nhựa	85%	85%
Công ty CP Trading Rạng Đồng	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Bán buôn chuyên doanh khác	51%	51%
Công ty CP Rạng Đồng Films	63 Võ Văn Bích, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	99,9%	99,9%

Tổng số Công ty liên kết tại ngày 31/12/2020 là : 2 công ty.

Số lượng Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu: 2 công ty.

Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Rạng Đồng Healthcare	Lô G4-G8, đường số 8 KCN Tân Đò, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu	40,7%	40,7%
Công ty CP tiếp vận Sông Dông	190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM	Vận tải, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	45%	45%

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm, Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

10



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Rạng Đông Holding (công ty mẹ) và các công ty con.

Các công ty con và các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư của tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm/1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ, gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến giá hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	15 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	45 - 49 năm
- Phần mềm quản lý	05 - 10 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã kỳ được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, tiền kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng thụt thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên cấp...); bảo hiểm xe hơi, bảo hiểm vật liệu vận phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiền khách, hội nghị khách hàng...).

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**17. Bảo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**18. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	108.222.289	765.939.023
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.992.050.497	37.622.011.956
<b>Cộng</b>	<b>26.100.272.786</b>	<b>38.387.950.979</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	3.700.000.000	3.700.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.700.000.000</b>	<b>3.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị thuần ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị thuần ghi số VND
Công ty CP tiếp vận Sông Đống	6.273.000.000	6.201.426.066	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Thảo Nguyễn	-	-	35.400.000.000	35.430.420.183
Công ty CP Rạng Đông Healthcare	122.000.000.000	120.848.851.203	9.075.000.000	7.184.508.914
<b>Cộng</b>	<b>128.273.000.000</b>	<b>127.050.277.269</b>	<b>44.475.000.000</b>	<b>42.614.929.097</b>

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Gò Đàng (11 cổ phiếu)	397.920	(*)	-	397.920	(*)	-
<b>Cộng</b>	<b>397.920</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>397.920</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2020 và tại ngày 31/12/2019, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**d) Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong năm kết thúc ngày 31/12/2020**

Các giao dịch với cổ đông không kiểm soát trong Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đồng Long An.

Trong năm 2020, Công ty đã mua 20% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đồng Long An từ bên thứ ba với tổng số tiền là 174.375.000.000 đồng. Sau khi mua lại, lợi ích kinh tế của Công ty trong Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đồng Long An tăng từ 65% lên 85% dẫn đến các ảnh hưởng sau:

Tổng khoản thanh toán	174.375.000.000
Giá trị ghi sổ tương ứng của phần tài sản thuần mua lại	58.489.951.086
Chênh lệch ghi nhận giảm vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	115.885.048.914

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	212.307.072.479	158.135.386.984
Công ty TNHH Tăng Tốc	-	270.560.354.598
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ánh Hồng	52.760.973.810	-
Phải thu các khách hàng khác (*)	187.683.419.290	221.631.932.603
<b>Cộng</b>	<b>452.751.465.579</b>	<b>650.327.674.185</b>
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	221.320.473.459	438.144.491.793
Công ty CP Rạng Đồng Healthcare	9.013.400.980	9.448.750.211
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	212.307.072.479	158.135.386.984
Công ty TNHH Tăng Tốc	-	270.560.354.598

(\*) Không có phải thu của khách hàng nào chiếm 10% trở lên trên tổng số dư.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Tân Huy Thịnh	4.250.981.460	-
Marubeni Asean Pte. Ltd	-	11.009.663.850
Dongguan Jwell Machinery Co., LTD	-	10.184.265.000
Trả trước người bán khác	73.472.586.491	61.431.254.026
<b>Cộng</b>	<b>77.723.567.951</b>	<b>82.625.182.876</b>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	31.404.900	7.000.000.000
Công ty TNHH Tăng Tốc	31.404.900	7.000.000.000

5. Phải thu khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	20.189.265.387	37.917.904.653
Tạm ứng	10.698.676.568	8.715.779.182
Ký quỹ, ký cược	7.637.414.609	8.860.037.956
Phải thu Sojitz Pla Net Corporation	-	17.437.500.000
Phải thu khác	1.853.174.210	2.904.587.515
Phải thu dài hạn khác	16.401.305.322	13.476.855.008
Ký cược, ký quỹ	13.295.729.093	10.843.752.000
Phải thu khác	3.105.576.229	2.633.103.008
<b>Cộng</b>	<b>36.590.570.709</b>	<b>51.394.759.661</b>
Phải thu khác là các bên liên quan	-	272.856.054
Công ty CP Rạng Đồng Healthcare	-	272.856.054

17

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nợ xấu

Đối tượng	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Wujiang Yige Import & Export co., Ltd	847.485.687	-	(847.485.687)	847.485.687	-	(847.485.687)
Các đối tượng khác	404.808.083	-	(404.808.083)	404.808.083	-	(404.808.083)
<b>Cộng</b>	<b>1.252.293.770</b>	<b>-</b>	<b>(1.252.293.770)</b>	<b>1.252.293.770</b>	<b>-</b>	<b>(1.252.293.770)</b>

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	391.262.971.498	-	297.629.898.370	-
Công cụ, dụng cụ	4.891.372.121	-	3.662.865.860	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.401.510.069	-	36.060.127.324	-
Thành phẩm	85.724.171.960	-	67.831.655.887	-
Hàng hoá	77.589.334.532	-	9.326.387.309	-
<b>Cộng</b>	<b>585.869.360.180</b>	<b>-</b>	<b>414.510.934.750</b>	<b>-</b>

8. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	11.731.447.211	15.536.092.007
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.114.770.286	9.035.708.944
Chi phí bảo hiểm	233.773.732	276.244.726
Chi phí trả trước khác	6.382.903.193	6.224.138.337
Chi phí trả trước dài hạn	69.010.397.661	79.457.257.284
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	10.524.013.835	17.719.015.347
Chi phí sửa chữa, cải tạo	-	214.897.425
Chi phí thuê đất	51.085.793.335	52.469.607.149
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.400.590.491	9.053.737.363
<b>Cộng</b>	<b>80.741.844.872</b>	<b>94.993.349.291</b>

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	9.056.924.820	59.473.241.232
- Mua 02 lô đất tại xã Tân Thạnh Đông, Củ Chi	3.701.254.400	3.701.254.400
- Xây dựng tại nhà máy KCN Tân Đô - Long An	-	31.744.190.751
- Máy cán màng PE W4300	-	16.042.320.849
- Xây dựng cơ bản dở dang khác	5.355.670.420	7.985.475.232
Mua sắm tài sản cố định	32.336.574.871	14.449.378.687
<b>Cộng</b>	<b>41.393.499.691</b>	<b>73.922.619.919</b>

18





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>250.073.774.089</b>	<b>263.298.784.664</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Niên Lộc	20.560.042.445	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	22.000.000.000	26.497.443.480
Phải trả người bán khác (*)	207.513.731.644	236.801.341.184
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>156.937.500.000</b>	<b>-</b>
Phải trả bên thứ ba	156.937.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>407.011.274.089</b>	<b>263.298.784.664</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>22.019.800.000</b>	<b>26.497.443.480</b>
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	22.000.000.000	26.497.443.480
Công ty CP Rạng Đồng Healthcare	19.800.000	-

(\*) Không có phải trả người bán nào chiếm 10% trở lên trên tổng số dư.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Người mua trong nước</b>	<b>13.894.217.719</b>	<b>20.496.226.292</b>
Người mua nước ngoài	1.155.607.104	3.767.005.382
<b>Cộng</b>	<b>15.049.824.823</b>	<b>24.263.231.674</b>

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế phải nộp</b>	<b>20.155.701.718</b>	<b>65.041.935.706</b>	<b>76.254.451.113</b>	<b>8.943.186.311</b>
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	214.598.807	190.292.711	369.551.679	35.339.839
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	29.261.683.718	29.261.683.718	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.424.790.390	5.725.251.758	14.281.725.043	8.868.317.105
Thuế thu nhập cá nhân	926.865	1.258.183.263	1.219.580.761	39.529.367
Thuế tài nguyên	-	799.040	799.040	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	96.220.322	7.151.944.112	7.248.164.434	-
Các loại thuế khác	-	177.677.750	177.677.750	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.419.165.334	21.276.103.354	23.695.268.888	-
<b>Thuế phải thu</b>	<b>324.466.282</b>	<b>2.277.886.297</b>	<b>1.999.977.685</b>	<b>46.557.670</b>
Thuế nhập khẩu	323.922.806	2.277.342.821	1.999.977.685	46.557.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp	543.476	543.476	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	7.281.013.322	9.704.155.544
Chi phí phải trả khác	387.089.810	4.113.473.094
<b>Cộng</b>	<b>7.668.103.132</b>	<b>13.817.628.638</b>

17. Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>28.555.816.179</b>	<b>41.646.098.216</b>
Kinh phí công đoàn	1.055.665.171	605.374.170
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	59.551.920	719.278.292
Cổ tức phải trả	6.875.025.324	125.025.324
Công ty TNHH đầu tư và Kinh doanh BĐS Thảo Nguyễn	-	6.169.202.192
Phải trả ông Nguyễn Minh Quang	-	10.000.000.000
Phải trả ông Ngô Đình Hân	-	9.150.000.000
Công ty CP Rạng Đồng Healthcare (bên liên quan)	19.036.143.942	-
Phải trả khác	1.529.429.822	14.877.218.238
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>1.837.412.522</b>	<b>-</b>
Nhận kỷ quỹ, kỷ cược	1.837.412.522	-
<b>Cộng</b>	<b>30.393.228.701</b>	<b>41.646.098.216</b>

18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lãi tài sản góp vốn vào công ty liên kết	2.783.865.526	-
<b>Cộng</b>	<b>2.783.865.526</b>	<b>-</b>

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1.362.084.764</b>	<b>1.272.307.688</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.362.084.764	1.272.307.688
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>-</b>	<b>99.888.710</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	99.888.710





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>755.127.189.384</b>	<b>1.989.092.432.967</b>	<b>1.941.667.012.680</b>	<b>802.552.609.550</b>
Vay dài hạn (i)	723.411.314.155	1.962.605.136.032	1.909.951.137.471	776.065.314.716
Vay dài hạn ngắn hạn đến hạn trả	12.142.307.692	-	12.142.307.692	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (ii)	19.573.567.517	26.487.294.934	19.573.567.517	26.487.294.934
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>485.392.760.977</b>	<b>40.648.173.903</b>	<b>95.395.454.060</b>	<b>429.655.489.830</b>
Vay các ngân hàng (i)	423.220.931.782	8.663.036.605	550.15.720.591	378.988.147.896
Nợ thuê tài chính (ii)	60.171.829.195	31.985.137.098	41.369.733.459	90.767.352.834
<b>Cộng</b>	<b>1.240.519.950.341</b>	<b>2.029.740.606.870</b>	<b>2.038.052.466.730</b>	<b>1.232.208.090.480</b>

(i) Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn như sau:

Ngân hàng	Đơn vị	Số dư tại 31/12/2020	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	tiền	VND	(%/năm)	
Ngân hàng Singapore	VND	34.176.450.376	5,80%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	189.521.083.734	6,7% - 7,5%	Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/947/39/HĐTC
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	188.800.821.354	6,5% - 7%	Cổ phiếu, tài sản
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	133.772.566.226	6,3% - 7%	Cổ phiếu, RDP
Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	100.000.000.000	6,2% - 6,5%	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng Maybank	VND	67.753.711.535	6,5% - 6,9%	Tin chấp
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	VND	10.000.000.000	7,1%	Tài sản hình thành từ vốn vay
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VND	45.456.683.734	5,5%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương	VND	1.968.987.757	7,5%	Hàng tồn kho
Vay cá nhân	VND	4.615.000.000	0,0%	Tin chấp
<b>Cộng</b>		<b>776.065.314.716</b>		

23



CÔNG TY CỔ PHẦN RANG ĐÔNG HOLDING

190 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(ii) Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn ngắn hạn như sau:

Ngân hàng	Đơn vị	Số dư tại 31/12/2020	Phân loại thành	Lãi suất
	tiền	VND	nợ đến hạn trả	(%/năm)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	378.888.147.996		
<b>Cộng</b>		<b>378.888.147.996</b>		
			<b>Tài sản thế chấp</b>	
			Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai và tài sản từ vốn vay	

(iii) Chi tiết nợ thuê tài chính như sau:

Thời hạn	Tổng tiền thanh toán	Trả nợ gốc	Tổng tiền thanh toán	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	32.491.177.559	5.206.965.117	26.487.294.934	19.573.567.517	19.573.567.517
Trên 1 năm đến 5 năm	67.153.284.284	4.396.677.104	50.767.332.834	6.425.961.891	60.171.929.195
Trên 5 năm	99.644.461.843	9.603.642.222	77.254.627.768	-	-
<b>Cộng</b>	<b>99.644.461.843</b>	<b>9.603.642.222</b>	<b>77.254.627.768</b>	<b>26.487.294.934</b>	<b>79.745.496.712</b>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu  
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	339.428.620.000	25.638.570.000	1.912.212.955	68.705.099.697	35.765.976.759	75.282.462.858	546.732.942.269
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	33.938.540.000				(33.938.540.000)		
Lãi trong năm trước					43.244.598.222	26.847.556.857	70.092.155.079
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát						36.420.000.000	36.420.000.000
Biên động khác						(191.957.526)	(191.957.526)
Số dư cuối năm trước	373.367.160.000	25.638.570.000	1.912.212.955	68.705.099.697	45.072.034.981	138.358.062.189	653.053.135.822
Trả cổ tức bằng cổ phiếu					(37.332.050.000)		
Lãi trong năm nay	37.332.050.000				1.379.173.509	1.821.893.047	3.201.066.556
Chia cổ tức					(6.750.000.000)		(6.750.000.000)
Chiao dịch với cổ đông không kiểm soát					(115.885.048.912)	(68.489.951.088)	(174.375.000.000)
Biên động do thoái vốn công ty con						(6.359.826.566)	(6.359.826.566)
Số dư cuối năm nay	410.699.210.000	25.638.570.000	1.912.212.955	68.705.099.697	106.765.890.422	68.590.177.582	468.769.375.812

25



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông	410.699.210.000	100	373.367.160.000	100
Cộng	410.699.210.000	100	373.367.160.000	100

- c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	373.367.160.000	339.428.620.000
Vốn góp tăng trong năm	37.332.050.000	33.938.540.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	410.699.210.000	373.367.160.000
Cổ tức đã chia	37.332.050.000	33.938.540.000
- Bằng cổ phiếu	37.332.050.000	33.938.540.000
- Bằng tiền	-	-

- d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.069.921	37.336.716
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.069.921	37.336.716
- Cổ phiếu phổ thông	41.069.921	37.336.716
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.069.921	37.336.716
- Cổ phiếu phổ thông	41.069.921	37.336.716

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Đơn vị tính	31/12/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại			
Trong đó: - Đô la Mỹ	USD	365.195,31	9.535,17
- Euro	EUR	295,62	295,62

26



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa nhập	2.749.567.997.980	1.996.177.349.751
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.723.167.181	6.811.794.302
<b>Cộng</b>	<b>2.757.291.165.161</b>	<b>2.002.989.144.053</b>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.184.329.777	4.055.950.907
Giảm giá hàng bán	2.451.436.584	101.358.508
Hàng bán bị trả lại	9.344.849.145	7.377.916.711
<b>Cộng</b>	<b>12.980.615.506</b>	<b>11.535.226.126</b>

3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.744.310.549.655	1.991.453.917.927
<b>Cộng</b>	<b>2.744.310.549.655</b>	<b>1.991.453.917.927</b>

Doanh thu thuần với các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quýnh	997.592.083.370	1.081.958.963.199
Công ty TNHH Tăng Tốc	784.317.192.914	283.671.926.998
Công ty CP Rạng Đồng Healthcare	105.409.418.450	785.571.126.763
	107.865.472.006	12.715.909.438

4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	2.549.258.260.610	1.703.093.338.861
Giá vốn cung cấp dịch vụ	30.681.818	4.611.074.778
<b>Cộng</b>	<b>2.549.288.942.428</b>	<b>1.707.704.413.639</b>

5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	176.920.442	2.508.460.466
Lãi bán các khoản đầu tư	58.758.065	1.253.059.679
Lãi chênh lệch tỷ giá	324.054.296	388.575.925
<b>Cộng</b>	<b>559.732.803</b>	<b>4.150.096.070</b>

27

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	93.600.289.772	85.546.828.186
Lỗ bán các khoản đầu tư	30.420.183	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	406.391.947	264.830.545
Chi phí tài chính khác	-	499.909.632
<b>Cộng</b>	<b>94.037.101.902</b>	<b>86.311.568.363</b>

7. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	7.241.261.661	13.560.933.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.192.008.963	1.278.457.669
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.646.929.752	21.864.966.339
Chi phí bán hàng khác	1.946.358.601	2.441.356.624
<b>Cộng</b>	<b>34.026.558.977</b>	<b>39.165.713.693</b>

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	21.557.403.543	32.517.785.739
Chi phí dụng cụ, vật tư quản lý	2.662.272.913	3.539.438.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.230.069.247	9.266.474.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.430.114.864	16.249.904.839
Chi phí bằng tiền khác	15.000.994.118	14.322.255.543
<b>Cộng</b>	<b>61.880.854.685</b>	<b>75.895.859.044</b>

9. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	120.384.659	9.436.596.094
Thu từ các khoản vi phạm hợp đồng	201.414.473	135.825.000
Thu nhập khác	5.410.050.715	1.869.058.989
<b>Cộng</b>	<b>5.731.849.847</b>	<b>11.441.480.083</b>

10. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản nộp phạt	3.315.169.712	11.185.314.828
Chi phí khác	424.990.011	313.737.510
<b>Cộng</b>	<b>3.740.159.723</b>	<b>11.499.052.338</b>

28

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất khác nhau trên thu nhập tính thuế của từng công ty.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.725.251.758	18.371.002.335
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập hiện hành của các năm trước	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.725.251.758</b>	<b>18.371.002.335</b>

12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	99.888.710
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(572.239.025)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	466.996.029	465.529.727
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(84.422.790)	(4.537.942.366)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(189.665.786)</b>	<b>(3.972.523.929)</b>

13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	1.379.173.509	43.244.598.222
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông công ty mẹ	1.379.173.509	43.244.598.222
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	41.069.921	41.069.921
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>34</b>	<b>1.053</b>

**Ghi chú:** Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do trong năm Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	697.720.061.823	1.035.536.023.804
Chi phí nhân công	118.757.623.786	128.499.719.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.722.430.294	72.652.199.173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.000.975.157	59.249.752.754
Chi phí khác bằng tiền	17.097.320.174	17.146.572.844
<b>Cộng</b>	<b>1.012.298.411.234</b>	<b>1.313.084.267.960</b>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua tài sản bằng nợ thuế tài chính	29.674.790.703	56.679.224.591
Tặng vốn bằng trả cổ tức bằng cổ phiếu	37.332.050.000	33.938.540.000
Góp vốn vào đơn vị khác bằng tài sản cố định	92.000.000.000	-

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vay theo kế ước thông thường	1.971.288.174.837	1.638.511.397.729

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.012.564.769.057	1.425.941.648.667

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, ngoài các nghiệp vụ đã thuyết minh ở trên, Công ty phát sinh các nghiệp vụ khác với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH MTV Hoàng Hoàng Quỳnh	Bên liên quan	Mua hàng	918.899.499.043	465.026.804.905



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
Công ty TNHH Tăng Tốc	Bên liên quan	Mua hàng	249.509.647.706	216.006.938.640
Công ty CP Rạng Đồng Healthcare	Công ty liên kết	Góp vốn bằng tài sản	92.000.000.000	-
		Góp vốn bằng tiền	20.925.000.000	-

Thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay
	VND
<b>Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị</b>	<b>-</b>
Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch
Ông Hồ Đức Dũng	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Bình	Thành viên (đến ngày 06/06/2020)
Ông Trần Trọng Triệu	Thành viên (đến ngày 06/06/2020)
Ông Hồ Văn Tuyền	Thành viên (từ ngày 06/06/2020)
Ông Nguyễn Trần Vinh	Thành viên (từ ngày 06/06/2020)
<b>Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và người điều hành</b>	<b>1.369.984.000</b>
Ông Hồ Đức Lam	Chủ tịch
Hồ Đức Dũng	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/06/2020)
Trần Trọng Triệu	Tổng Giám đốc (đến ngày 16/06/2020)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng từ chất dẻo, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam và không có khoản đầu tư nào ra nước ngoài, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.100.272.786	38.387.950.979	26.100.272.786	38.387.950.979
Phải thu khách hàng và phải thu khác	477.391.065.950	691.754.360.894	477.391.065.950	691.754.360.894
Đầu tư tài chính	397.920	397.920	397.920	397.920
<b>Cộng</b>	<b>503.491.736.656</b>	<b>730.142.709.793</b>	<b>503.491.736.656</b>	<b>730.142.709.793</b>



	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	1.232.208.090.480	1.240.519.950.341	1.232.208.090.480	1.240.519.950.341
Phải trả người bán	407.011.274.089	263.298.784.664	407.011.274.089	263.298.784.664
Chi phí phải trả	7.668.103.132	13.817.628.638	7.668.103.132	13.817.628.638
Phải trả khác	29.278.011.610	40.321.445.754	29.278.011.610	40.321.445.754
<b>Cộng</b>	<b>1.676.165.479.311</b>	<b>1.557.957.809.397</b>	<b>1.676.165.479.311</b>	<b>1.557.957.809.397</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản ánh xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, đầu tư góp vốn dài hạn khác do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được trình bày bằng giá trị sổ sách.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty đang có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2020 và vào ngày 31/12/2019 (xem thuyết minh V.10, V.12, V.20). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2020 và vào ngày 31/12/2019.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Hội đồng Quản trị cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.087.735.085.959</b>	<b>588.430.393.352</b>	<b>1.676.165.479.311</b>
Các khoản vay	802.552.609.650	429.655.480.830	1.232.208.090.480
Phải trả người bán	250.073.774.089	156.937.500.000	407.011.274.089
Chi phí phải trả	7.668.103.132	-	7.668.103.132
Phải trả khác	27.440.599.088	1.837.412.522	29.278.011.610
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.072.565.048.420</b>	<b>485.392.760.977</b>	<b>1.557.957.809.397</b>
Các khoản vay	755.127.189.364	485.392.760.977	1.240.519.950.341
Phải trả người bán	263.298.784.664	-	263.298.784.664
Chi phí phải trả	13.817.628.638	-	13.817.628.638
Phải trả khác	40.321.445.754	-	40.321.445.754

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công ty tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công ty tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công ty tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại và trình bày lại để so sánh với năm nay như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số liệu tại ngày 31/12/2019		
	Số liệu đã phát hành (1)	Số liệu trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>861.654.777.191</b>	<b>809.185.170.042</b>	<b>(52.469.607.149)</b>
3. Tài sản cố định vô hình	161.710.156.641	109.240.549.492	(52.469.607.149)
- Nguyên giá	176.287.239.587	119.500.861.754	(56.786.377.833)
- Giá trị hao mòn lũy kế	(14.577.082.946)	(10.260.312.262)	4.316.770.684
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>28.259.957.823</b>	<b>80.729.564.972</b>	<b>52.469.607.149</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	28.987.650.135	79.457.257.284	52.469.607.149

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm và đến ngày lập báo cáo này không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Đỗ Minh Luân

Ngày 30 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Hùng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Đức Lam

